



HAGL Group

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG





HAGL Group

PHÁT TRIỂN

NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT:

“Công ty”, “Tập đoàn”, “HAGL”	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNG	Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
TGD	Tổng Giám đốc



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04
Thông tin tài chính cơ bản	06

DUY TRÌ ỔN ĐỊNH

Thông tin chung	10
Các cột mốc phát triển quan trọng	11
Mô hình quản trị	12
Bộ máy quản lý	14
Ngành nghề kinh doanh	16
Các công ty liên quan	18

NĂM BẮT CƠ HỘI

Thông tin Hội đồng Quản trị	22
Thông tin Ban Tổng Giám đốc	24
Thông tin Ban Kiểm soát	25
Tổ chức nhân sự	26
Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022	28
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	34
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	36
Báo cáo của Ban Kiểm soát	40

THÍCH ỨNG VỚI THỊ TRƯỜNG

Cơ cấu cổ đông	46
Báo cáo quản trị công ty	47
Quan hệ Nhà đầu tư	52
Quản lý rủi ro	54

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

An sinh cho người lao động	58
Bảo vệ môi trường	60
Trách nhiệm với cộng đồng	62

GIỮ VỮNG NIỀM TIN

Báo cáo tài chính	66
-------------------	----

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Ngân hàng và Đối tác!

Trong năm 2022, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng bất lợi đến ngành nông nghiệp của Việt Nam. Giá cả vật tư đầu vào và chi phí vận chuyển tăng cao, trong khi thị trường Trung Quốc vẫn hạn chế mở cửa làm cho tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của sản phẩm chuỗi giảm. Ngành chăn nuôi heo tuy thuận lợi trong 9 tháng đầu năm, nhưng sang quý 4/2022 cũng bắt đầu xuất hiện khó khăn do giá bán sụt giảm.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục kiên định theo đuổi phương châm tái cấu trúc, tinh gọn sản xuất kinh doanh và giảm bớt nợ vay, thích ứng với tình hình phức tạp khó lường của môi trường kinh doanh.

Tập đoàn tiếp tục tập trung vào hai lĩnh vực chính là cây ăn trái và chăn nuôi heo. Diện tích chuỗi đến cuối năm 2022 đạt 7.000 ha theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua. Đối với ngành chăn nuôi heo thì đến cuối năm 2022 HAGL đã xây dựng được 10 cụm chuồng trại với công suất nuôi khoảng 600.000 con heo thịt mỗi năm (mỗi cụm chuồng trại nuôi 2.400 con heo nái và mỗi con heo nái sinh khoảng 25 con heo thịt mỗi năm). Sang năm 2023, trước tình hình khó khăn và thách thức của môi trường kinh doanh, HAGL sẽ duy trì quy mô sản xuất như năm 2022, chờ năm bắt cơ hội thị trường hồi phục.

HAGL kiên định khai thác lợi thế cạnh tranh là có được quỹ đất rộng lớn xa khu dân cư, khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp, khoảng cách địa lý và điều kiện vận chuyển đến cảng biển và thị trường tiêu thụ thuận lợi. Sản phẩm chuỗi và thịt heo là hai loại thực phẩm cơ bản và thiết yếu đối với cuộc sống, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Về công tác tái cơ cấu tài chính, HAGL đã hoàn thành cơ bản việc thoái vốn đầu tư vào Nhóm Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh



Chủ tịch HĐQT
ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC



Kế thừa những thành quả đã đạt được trong năm 2022, HAGL sẽ duy trì ổn định quy mô trong năm 2023 và sẵn sàng cho kế hoạch tăng trưởng trong tương lai.





Tổng doanh thu thuần

5.111

Tăng 144%
so với năm 2021

tỷ đồng

Lãi sau thuế

1.125

Gấp 9 lần
so với năm 2021

tỷ đồng

Gia Lai, giảm số dư nợ vay, cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh... Kết quả kinh doanh năm 2022 với con số tổng doanh thu thuần 5.111 tỷ đồng (tăng 144% so với năm 2021) và lãi sau thuế 1.125 tỷ đồng (gấp 9 lần so với năm 2021), là một kết quả của sự nỗ lực rất lớn của HAGL.

HAGL tiếp tục giữ ổn định và mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Các khoản nộp bảo hiểm xã hội và thuế theo luật định luôn được tuân thủ. Ngoài ra, Bệnh viện Đại học Y dược - HAGL và Câu Lạc Bộ bóng đá HAGL tiếp tục phát huy vai trò đóng góp vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe và thể thao của Gia Lai nói riêng và Việt Nam nói chung.

Kế thừa những thành quả đã đạt được trong năm 2022, HAGL sẽ duy trì ổn định quy mô trong năm 2023 và sẵn sàng cho kế hoạch tăng trưởng trong tương lai.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Ngân hàng và Đối tác đã đồng hành cùng HAGL trên chặng đường gian nan vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trong thời gian tới. Sự đồng hành và ủng hộ của quý vị sẽ là động lực để chúng tôi tiếp tục phát triển, theo đuổi sứ mệnh “Phát triển Nông nghiệp bền vững”.

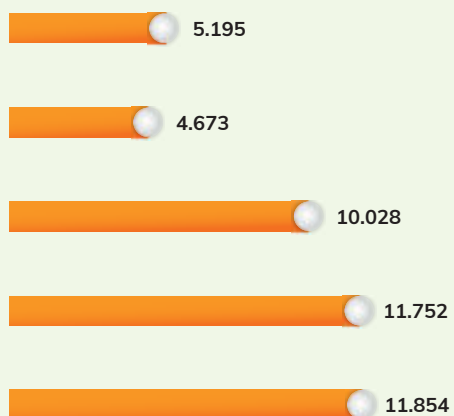
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đoàn Nguyên Đức

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN,

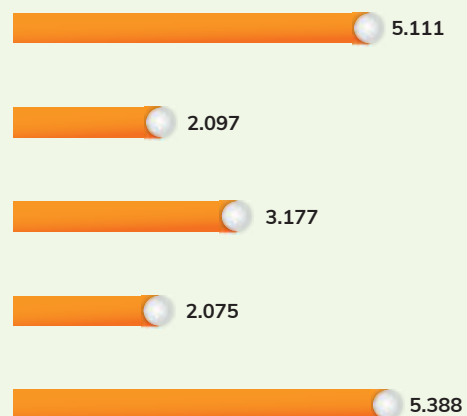
VỐN CHỦ SỞ HỮU

5.195 TỶ VND



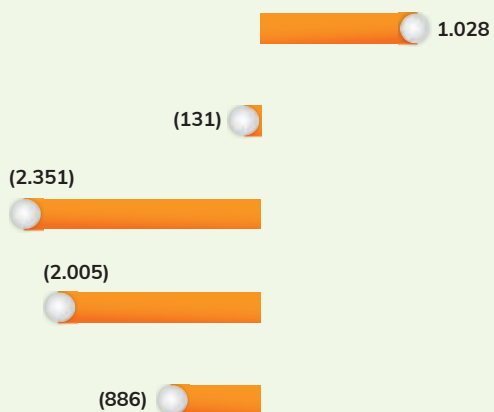
DOANH THU THUẦN

5.111 TỶ VND



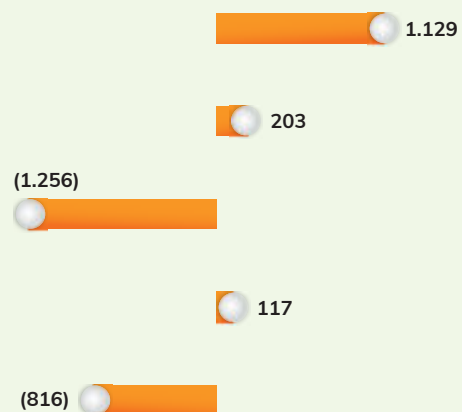
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.028 TỶ VND



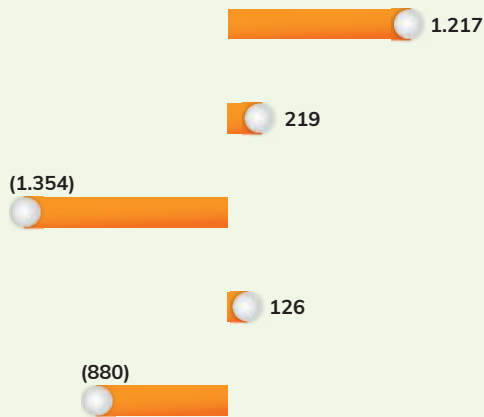
LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CÔNG TY MẸ

1.129 TỶ VND



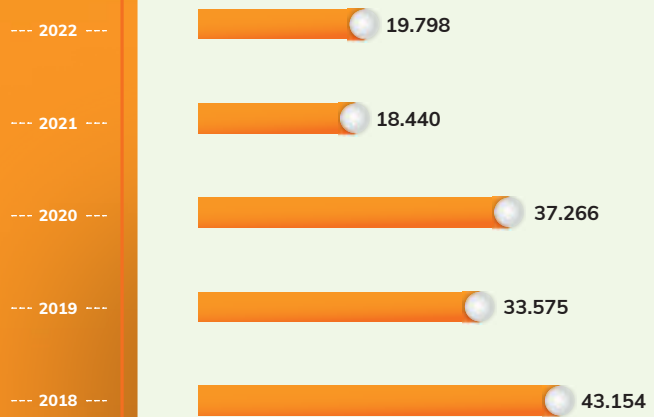
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

1.217 VND



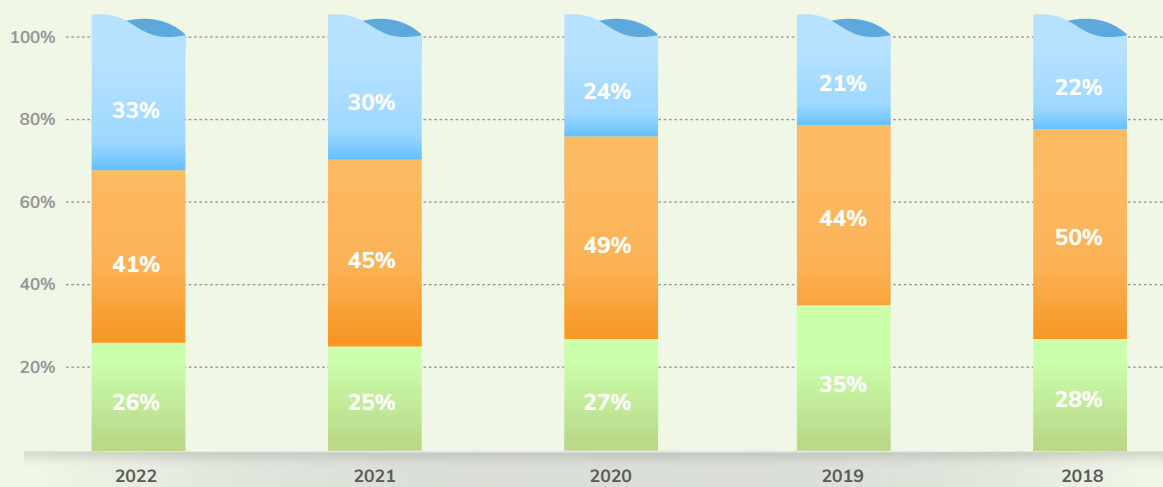
TỔNG TÀI SẢN

19.798 TỶ VND



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

■ Nợ phải trả khác
 ■ Nợ vay
 ■ Vốn chủ sở hữu







DUY TRÌ
ỔN ĐỊNH

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Tên công ty bằng tiếng Anh

HOANG ANH GIA LAI JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch

HOÀNG ANH GIA LAI

Tên viết tắt

HAGL

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số 5900377720 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01/06/2006 (đăng ký lần đầu)

Đăng ký thay đổi:

Lần thứ 31 ngày 08/02/2023

Vốn điều lệ đăng ký

9.274.679.470.000 VND

Vốn thực góp của cổ đông

9.274.679.470.000 VND

Tổng số cổ phần đã phát hành và niêm yết

927.467.947 cổ phần

Mã cổ phiếu:

HAG

Mệnh giá (VND):

10.000

HỘI SỞ

🏠 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎ (+84) 269 222 5888

📠 (+84) 269 222 2335

🌐 Website: www.hagl.com.vn

CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

GIAI ĐOẠN KHỞI NGHIỆP

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN: SẢN XUẤT ĐỒ GỖ

1990

Một phân xưởng nhỏ sản xuất đồ gỗ.

1993

Xây dựng nhà máy chế biến gỗ đầu tiên; Thành lập Xí nghiệp tư nhân Hoàng Anh Gia Lai.

1990-1993

GIAI ĐOẠN ĐẠI CHỨNG HÓA

CÔNG TY ĐẠI CHỨNG: BẮT ĐỘNG SẢN LÀ NGÀNH CHỦ LỰC TRONG KHI CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA ĐƯỢC TRIỂN KHAI

2002

Đầu tư vào Câu lạc bộ Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai nhằm quảng bá thương hiệu Hoàng Anh Gia Lai trong và ngoài nước.

2006 - 2007

Chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần. Dragon Capital và Jaccar trở thành cổ đồng chiến lược của Công ty.

2008 - 2010

Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện huy động vốn cổ phần từ Thị trường chứng khoán để tài trợ cho chương trình đa dạng hóa ngành nghề sang ngành trồng trọt, thủy điện và khoáng sản.

2011 - 2012

Huy động vốn từ thị trường chứng khoán quốc tế thông qua phát hành GDR niêm yết trên sàn Luân Đôn.

Phát hành Trái phiếu Quốc tế 90 triệu USD thông qua Credit Suisse.

Phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Temasek.

2011 - 2012

Huy động vốn từ thị trường chứng khoán quốc tế thông qua phát hành GDR niêm yết trên sàn Luân Đôn.

2002-2012

GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Đầu tư chăm bón cây cao su, đầu tư phát triển vườn cây ăn trái để thích ứng với sự thay đổi của thị trường cao su và nông sản.

2013-2020

GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Năm 2021 - 2022

Tập đoàn tái cấu trúc sâu rộng nhằm tiếp tục giảm nợ vay, chọn lọc và tinh gọn hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Từ năm 2023 trở đi

Tập đoàn chú trọng đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ cao áp dụng vào các quy trình sản xuất kinh doanh, đồng thời duy trì bảo vệ môi trường tiến tới phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn đặt mục tiêu cốt lõi là ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2021 trở đi

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



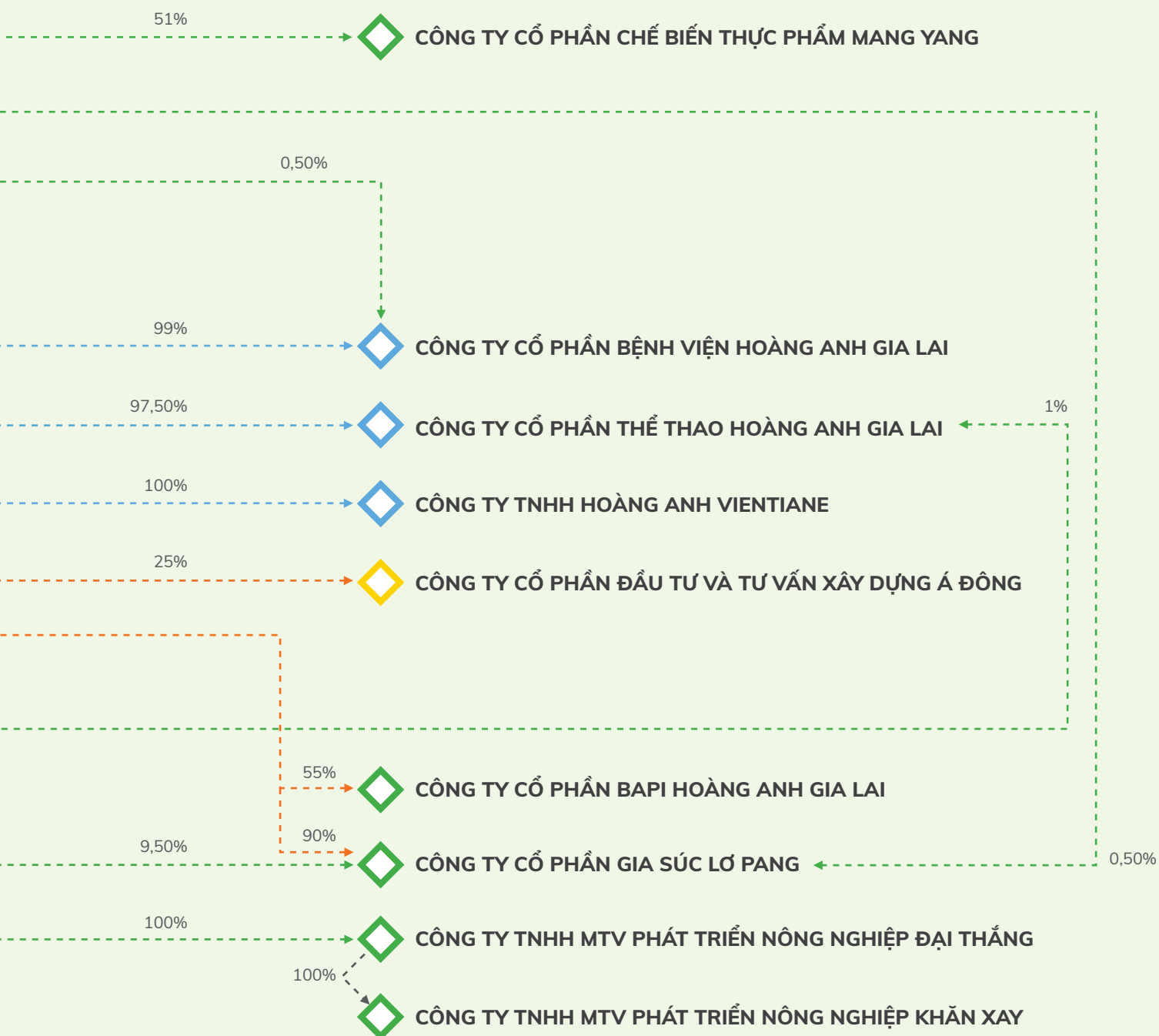
**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÀNG ANH GIA LAI**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHĂN NUÔI
GIA LAI**

88,30%

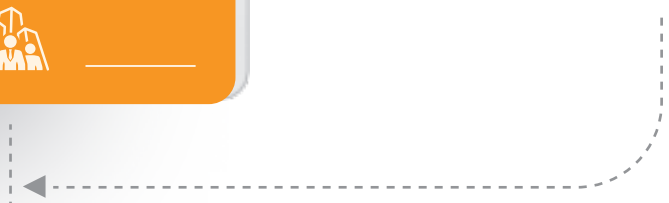
**CÔNG TY TNHH
HƯNG THẮNG LỢI
GIA LAI**

98%



■ Nông nghiệp
 ■ Lĩnh vực khác
 ■ Công ty liên kết

BỘ MÁY QUẢN LÝ,



PHÒNG
TÀI CHÍNH -
KẾ HOẠCH



PHÒNG
HÀNH CHÍNH



PHÒNG
KẾ TOÁN



PHÒNG
PHÁP CHẾ



PHÒNG
KINH DOANH



PHÒNG
NGHIỆP VỤ
NÔNG NGHIỆP



PHÒNG
CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN



PHÒNG
QUAN HỆ
CÔNG CHÚNG



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH,

Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai được tổ chức theo mô hình tập đoàn hoạt động đa ngành nghề với lĩnh vực chính là trồng và kinh doanh các loại cây ăn trái; chăn nuôi gia súc; kinh doanh chuỗi thực phẩm BAPI Food. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng duy trì một số ngành nghề hỗ trợ khác như bệnh viện và thể thao nhằm duy trì trách nhiệm với xã hội.



NGÀNH CHĂN NUÔI GIA SÚC

Tập đoàn bắt đầu tham gia đầu tư ngành chăn nuôi heo từ năm 2020, đến năm 2022 doanh thu từ ngành này cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu hoạt động và chỉ đứng thứ hai sau ngành trái cây. Đến cuối năm 2022, Tập đoàn đã có 10 cụm chuồng trại chăn nuôi heo. Bước sang năm 2023, trong bối cảnh ngành chăn nuôi heo đang gặp khó khăn do giá bán liên tục giảm trong khi chi phí đầu vào tăng cao, Tập đoàn tạm thời chưa có kế hoạch mở rộng thêm quy mô chăn nuôi heo mà vẫn duy trì quy mô hiện có. Đồng thời, Tập đoàn cũng chuẩn bị sẵn cơ sở vật chất chờ thời cơ giá heo tăng để có thể mở rộng quy mô chăn nuôi.



NGÀNH CÂY ĂN TRÁI

Năm 2022, ngành cây ăn trái vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu hoạt động của Tập đoàn với sản phẩm chủ lực là chuối. Đến cuối năm 2022, diện tích trồng chuối khoảng 7.000 ha tại Việt Nam, Lào, Campuchia.

Tập đoàn luôn chú trọng sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn Global GAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương, đảm bảo cung cấp sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường khó tính như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Châu Âu.

Về thị trường tiêu thụ, hiện tại thị trường Trung Quốc vẫn là thị trường chủ yếu chiếm phần lớn doanh thu xuất khẩu của Tập đoàn. Bên cạnh đó, sản phẩm của Tập đoàn cũng được ưa chuộng tại thị trường Nhật Bản.

CÁC NGÀNH NGHỀ KHÁC



BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC HAGL

Trong năm 2022 tiếp tục tạo ra lợi nhuận. Tuy chưa góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn, nhưng Bệnh viện lại có những đóng góp quan trọng đối với xã hội, giúp HAGL tham gia nhiều hoạt động từ thiện và cũng giúp ích nhiều cho công tác chữa trị cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

BÓNG ĐÁ

Hoạt động thể thao vẫn tiếp tục được duy trì nhằm đóng góp cho sự phát triển của bóng đá Việt Nam nói riêng và cho xã hội nói chung.



CÁC CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT



CÔNG TY CON



CÔNG TY LIÊN KẾT

NÔNG NGHIỆP

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	98,00%
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng Bản Nongeyoiy, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào	98,00%
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay Bản Nongeyoiy, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào	98,00%
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai Tầng 8, 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	88,03%
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang Làng B'len, Xã Lơpang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	44,90%
Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,75%
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	55,00%

Y TẾ, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ

Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,97%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai 238 Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,93%
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane Bản Vatchan, Huyện Chanthabouly, Vientiane, Lào	100,00%

XÂY DỰNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông 7/1 Thành Thái, Phường 14, Q. 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	25,00%
--	--------





NĂM BẮT CƠ HỘI

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm sinh: 1963

ÔNG ĐOÀN NGUYÊN ĐỨC
Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác:

Công tác hiện nay tại HAGL:
Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP
Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh
Gia Lai

Thành viên HĐQT Công ty CP
BAPI Hoàng Anh Gia Lai

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bệnh
viện Đại học Y Dược Hoàng Anh
Gia Lai

Số lượng cổ phần nắm giữ:

319.950.533, chiếm tỷ lệ 34,50%
vốn điều lệ.



Năm sinh: 1973

ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN
Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính, bằng CFA, Cử
nhân Luật, Thành viên Hiệp hội kế
toán Công chứng Anh Quốc (ACCA),
Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên
hành nghề Việt Nam (VACPA)

Quá trình công tác:

Từ tháng 8/1996 đến tháng
11/2003:

Công tác tại Công ty Kiểm toán và
Tư vấn A&C

Từ tháng 11/2003 đến tháng

10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao
cấp tại Công ty TNHH Ernst &
Young Việt Nam

Từ tháng 10/2008 đến nay:

Công tác tại Công ty CP Hoàng Anh
Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty CP
Thể thao Hoàng Anh Gia Lai

Số lượng cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần.



Năm sinh: 1971

BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN

Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh Tế Tp.HCM, MBA Thương Mại Cao cấp HEC - Pháp, Thạc sĩ tài chính Đại học Paris Dauphine - Pháp

Quá trình công tác:

Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso

Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Espace Bourbon An Lạc

Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính hệ thống Siêu thị Big C Việt Nam

Từ năm 2006 đến năm 2020: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings

Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên độc lập HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổng Giám đốc Công ty CP Bourbon Bến Lức

Thành viên HĐQT Công ty CP Thực phẩm Agrex Sài Gòn

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.



Năm sinh: 1977

BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ năm 2001 đến năm 2006: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2006 đến năm 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai của Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Năm 2009: Từ tháng 01 đến tháng 04/2009: Phó Phòng Kế hoạch đầu tư và Dự án Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 04/2009: Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai

Từ tháng 12/2014 đến tháng 04/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Từ tháng 02/2017 đến tháng 05/2017: Phó Giám đốc tài chính Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai

Từ tháng 05/2017 đến 01/03/2021: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai; Thành viên HĐQT Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Từ ngày 01/03/2021 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Số lượng cổ phần nắm giữ:

300.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.



Năm sinh: 1966

ÔNG TRẦN VĂN DAI

Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/1994 đến tháng 06/1999: Công tác tại Tập đoàn CP Group Thái Lan - chuyên về thức ăn chăn nuôi

Từ tháng 07/1999 đến tháng 06/2002: Giám đốc Chi nhánh Công ty Thức ăn Đồng Nai - Long Châu, tại Hà Nội

Từ tháng 07/2002 đến tháng 12/2010: Giám đốc Công ty TM & SX Thiên Hà, Hà Nội

Từ tháng 01/2011 đến nay: Chuyên gia dinh dưỡng và kỹ thuật chăn nuôi cho Công ty CP XNK Dược thú y NASA

Từ tháng 08/2015 đến tháng 08/2017: Chuyên gia dinh dưỡng cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát - Tập đoàn Hòa Phát

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên độc lập HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc Công ty CP XNK Dược thú y NASA

Số lượng cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần.

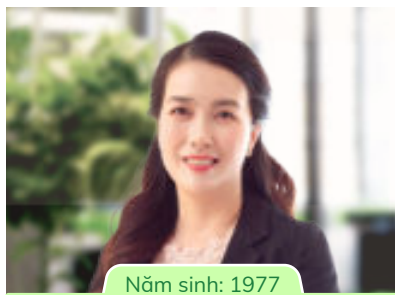
THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Xem thông tin trang 22



BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin trang 23



BÀ HỒ THỊ KIM CHI

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh,
Thạc sĩ tài chính

Quá trình công tác:

Từ năm 1998 đến năm 2006:
Công tác tại Xí nghiệp Tư
doanh Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2006 đến nay: Công
tác tại Công ty CP Hoàng Anh
Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

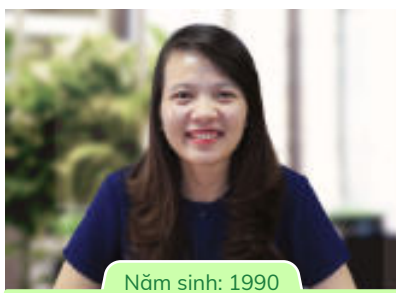
Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty CP
Chăn nuôi Gia Lai

Chủ tịch HĐQT Công ty CP
Gia súc Lợ Pang

Số lượng cổ phần nắm giữ:
395.159 cổ phần, chiếm tỷ lệ
0,04% vốn điều lệ.



BÀ LÊ TRƯƠNG Y TRÂM

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ tài chính,
chứng chỉ Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Tháng 9/2012 đến tháng 8/2016:
Phòng kiểm toán nội bộ, Công ty
CP Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 9/2016 đến tháng 6/2017:
Phòng Kế toán, Công ty CP Nông
nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 7/2017 đến tháng 7/2018:
Phòng Hợp nhất, Công ty CP
Hoàng Anh Gia Lai

Tháng 7/2018 đến nay:
Phòng Kế toán, Công ty CP
Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần.

THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT,



Năm sinh: 1970

BÀ ĐỖ TRẦN THÙY TRANG

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật,
Chứng chỉ kiểm toán viên

Quá trình công tác:

Từ năm 1992 đến năm 2007:
Kiểm toán viên Công ty Kiểm
toán và tư vấn A&C

Từ năm 2008 đến năm 2012:
Giám đốc tài chính Công ty CP
Đầu tư Sài Gòn Mê Kông

Từ năm 2012 đến năm 2014:
Phó Giám đốc phụ trách tài
chính Công ty CP Đầu tư Sài Gòn
Mê Kông

Từ năm 2015 đến tháng 05/2017:
Phó Giám đốc phụ trách tài chính
Công ty CP Bờ Đông Dương

**Từ tháng 06/2017 đến tháng
02/2021:** Kế toán trưởng Công ty
CP Thực phẩm Heygo

Công tác hiện nay tại HAGL:

Trưởng Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần.



Năm sinh: 1980

ÔNG LÊ HỒNG PHONG

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 2003 đến 2004: Trợ lý
kiểm toán Công ty Kiểm toán và
Dịch vụ Tư vấn tài chính Sài Gòn
(AFC Sài Gòn)

Từ năm 2004 đến 2010: Trợ lý kiểm
toán, nhóm trưởng kiểm toán Công
ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Từ năm 2010 đến 2011: Chuyên
viên kiểm soát tài chính Công ty CP
Tập đoàn Đất Xanh

Từ năm 2011 đến 2016: Phó phòng
kiểm toán nội bộ Công ty CP Hoàng
Anh Gia Lai

Từ năm 2015 đến 2017: Trưởng
Ban kiểm soát Công ty CP Nông
nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2016 đến 2019: Tổng Giám
đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát
triển Cao su Đông Dương

Từ năm 2020 đến 2021: Trưởng
Ban kiểm soát Công ty CP Nông
nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2021 đến nay: Phó Giám
đốc Phụ trách Tài chính, Cố vấn
HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật
Thịnh Vượng

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần.



Năm sinh: 1975

ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 2001 đến 2003:
Công tác tại CTCP Phát Triển
Sản Xuất Thương Mại Sài
Gòn (SADACO)

Từ năm 2004 đến 2007:
Công tác tại Công ty TNHH
Âu Á Liên Hiệp

Từ năm 2008 đến 2012:
Công tác tại Công ty CP
Quản lý Bất động sản Hoàng
Anh Gia Lai

Từ năm 2013 đến nay:
Công tác tại Công ty CP
Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL:

Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần.

TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Tập đoàn HAGL được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con gồm 1 công ty mẹ và 10 công ty con. Tổng số lao động của Tập đoàn cuối năm 2022 là 2.084 người.

Tại Tập đoàn HAGL, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các cán bộ công nhân viên đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỉ luật cao. Công ty luôn ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy năng lực sáng tạo và tính cạnh tranh. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, thân thiện và gắn kết.

**Tổng số lao động
của Tập đoàn cuối năm 2022**

2.084

NGƯỜI



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

HAGL luôn chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự đúng yêu cầu, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, HAGL ưu tiên ký hợp đồng dài hạn với những cá nhân xuất sắc, những chuyên gia đầu ngành giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước.

Hàng năm, Tập đoàn tổ chức các khóa huấn luyện tay nghề cho cán bộ công nhân, các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm triển khai quy trình làm việc mới, nâng cao năng lực chuyên môn. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, Công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và tạo cơ hội tiếp cận khả năng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

“

Tập đoàn tổ chức khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên tại Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai với chính sách hỗ trợ 50% chi phí khám chữa bệnh định kỳ cho nhân viên, hỗ trợ 100% chi phí cho những trường hợp bị tai nạn trong quá trình lao động.



CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

HAGL xây dựng chính sách lương, thưởng dựa theo các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp phù hợp với giá trị tạo ra của từng vị trí. Các chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... được Công ty thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật.

Các công ty con trực thuộc Tập đoàn tổ chức xe đưa đón công nhân, cấp chung cư cho cán bộ, chuyên gia công tác xa nhà, xây dựng các khu nhà tập thể, nhà riêng cho hộ gia đình có hai người làm việc cho nông trường; lắp đặt, cung cấp các trang thiết bị cần thiết như internet, hệ thống cáp truyền hình... phục vụ cho công việc và nhu cầu giải trí của người lao động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 ,

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2022 vẫn còn nhiều thử thách đối với Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai. Sự bùng phát mạnh mẽ của dịch Covid-19 tại Trung Quốc, thị trường xuất khẩu chủ lực, đã ít nhiều ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu của Tập đoàn. Mặt khác, chiến tranh Nga-Ukraine nổ ra đã đẩy giá dầu tăng cao, làm cho tình hình lạm phát các nước trên thế giới tăng cao trong đó có Việt Nam. Người dân thắt chặt chi tiêu phần nào cũng ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của Tập đoàn. Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị đã luôn đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc kịp thời đưa ra những định hướng phù hợp để hóa giải những khó khăn. Vì vậy tình hình kinh doanh của Tập đoàn năm 2022 vẫn đạt được những kết quả tăng trưởng nhất định so với năm 2021.

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (Tỷ VND)	Năm 2021 (Tỷ VND)	Thay đổi so với năm 2021 (Tỷ VND)
Tổng giá trị tài sản	19.798	18.440	1.358
Doanh thu thuần	5.111	2.097	3.014
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.108	191	917
Lợi nhuận (lỗ) khác	(80)	(322)	242
Lợi nhuận trước thuế	1.028	(131)	1.159
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.125	128	997
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.129	203	926
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Doanh thu năm 2022 tăng

3.014 tỷ VND

Tăng 144%
so với năm 2021



Doanh thu bán trái cây

đạt **2.156** tỷ đồng,
tăng **1.152** tỷ đồng
tương đương tăng **115%**
so với năm 2021.

Đây là lĩnh vực kinh doanh đóng góp lớn vào doanh thu cũng như lợi nhuận của Tập đoàn trong năm 2022 và những năm tiếp theo sau này.



Doanh thu bán heo

đạt **1.697** tỷ đồng,
tăng **1.139** tỷ đồng
tương đương tăng **204%**
so với năm 2021.

Bên cạnh cây ăn trái, đây cũng là sản phẩm chính của Tập đoàn trong năm 2022.



Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa

đạt **924** tỷ đồng,
tăng **607** tỷ đồng
tương đương tăng **192%**
so với năm 2021.

Hoạt động này chủ yếu cung cấp vật tư, hàng hóa cho ngành nông nghiệp.



Doanh thu dịch vụ cung cấp khác

đạt **293** tỷ đồng,
tăng **75** tỷ đồng
tương đương tăng **34%**
so với năm 2021.

Chủ yếu từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai và kinh doanh khách sạn, v.v.

Nhìn chung, năm 2022 doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn tăng so với năm 2021 và đạt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã thông qua, cụ thể:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022 (Tỷ VND)	Kế hoạch năm 2022 (Tỷ VND)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	5.111	4.480	114,1
Lợi nhuận sau thuế	1.125	1.120	100,4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 ,

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2022, tình hình đầu tư và thực hiện dự án như sau:

Vào ngày 5 tháng 3 năm 2022, Hưng Thắng Lợi và Chăn nuôi Gia Lai đã mua 10% cổ phần Gia súc Lơ Pang từ các cá nhân sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Gia súc Lơ Pang là 9,75% kể từ ngày này. Tiếp theo vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã mua 90% cổ phần Gia súc Lơ Pang từ Công ty Cổ phần Lê Me nên tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Gia súc Lơ Pang tăng từ 9,75% lên 99,75% và Gia súc Lơ Pang trở thành công ty con của Tập đoàn từ ngày này.

Ngày 26 tháng 05 năm 2022, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai với tỷ lệ sở hữu là 55%.

Ngoài ra trong năm 2022, Tập đoàn cũng đã đầu tư trồng mới hơn 2.000 ha chuối.

“
Năm 2022,
Tập đoàn đã đầu tư
xây dựng thêm một số
cụm chuồng trại chăn nuôi
heo, tính đến cuối năm
2022 Tập đoàn đã có 10
cụm chuồng trại
chăn nuôi heo.”

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH MỘT SỐ CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI GIA LAI

Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Vốn điều lệ: 6.662.968.980.000 đồng

Hoạt động chính: Trồng trọt và chăn nuôi

Một số thông tin tài chính cơ bản:

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (Tỷ VND)	Năm 2021 (Tỷ VND)	Tăng/giảm so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	3.812	2.919	30,6
Doanh thu thuần	1.843	1.054	74,9
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	395	71	456,3
Lợi nhuận trước thuế	383	(87)	540,2
Lợi nhuận sau thuế	383	(87)	540,2



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA SÚC LỢ PANG

Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Hoạt động chính: Trồng trọt và Chăn nuôi

Một số thông tin tài chính cơ bản:

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (Tỷ VND)	Năm 2021 (Tỷ VND)	Tăng/giảm so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	2.107	-	100,0
Doanh thu thuần	942	-	100,0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	244	-	100,0
Lợi nhuận trước thuế	243	-	100,0
Lợi nhuận sau thuế	243	-	100,0

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP KHĂN XAY

Địa chỉ: Bản Nongayoiy, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 Kip ~ 295.048.426 ngàn đồng

Hoạt động chính: Trồng trọt

Một số thông tin tài chính cơ bản:

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (Tỷ VND)	Năm 2021 (Tỷ VND)	Tăng/giảm so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	890	657	35,5
Doanh thu thuần	627	283	121,6
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	247	92	168,5
Lợi nhuận trước thuế	247	94	162,8
Lợi nhuận sau thuế	247	94	162,8

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Năm 2022 (Tỷ VND)	Năm 2021 (Tỷ VND)	Tăng / giảm so với năm 2021 (%)
Tổng tài sản	19.798	18.440	7,4
Tổng nợ phải trả	14.603	13.767	6,1
Trong đó:			
Vay ngắn và dài hạn	8.165	8.287	(1,5)
Nợ phải trả khác	6.438	5.480	17,5

Trong năm 2022, sau thời gian tái cấu trúc sâu rộng, tình hình tài chính đã đi vào ổn định nên Tập đoàn bắt đầu mở rộng sản xuất vì thế các chỉ tiêu liên quan về tài chính có chiều hướng tăng nhẹ. Cụ thể:

Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2022, tổng giá trị tài sản của Tập đoàn là 19.798 tỷ đồng, tăng 7,4% tương đương tăng 1.358 tỷ đồng so với cuối năm 2021 là do Tập đoàn đã mua thêm Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang và góp vốn cổ phần thành lập Công ty CP BAPI Hoàng Anh Gia Lai.

Tình hình nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2022, tổng nợ phải trả là 14.603 tỷ đồng, tăng 6,1 % tương đương số tiền 836 tỷ đồng so với cuối năm 2021. Chủ yếu là do các khoản nợ phải trả khác tăng tương ứng với việc tăng doanh thu của tập đoàn.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH C B N

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021
Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,87	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	0,75	0,98
Cơ cấu vốn		
Hệ số nợ vay / Tổng tài sản	0,41	0,45
Hệ số nợ vay / Vốn chủ sở hữu	1,57	1,77
Năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Vòng/năm)	5,05	1,15
Vòng quay tổng tài sản (Vòng/năm)	0,27	0,08
Khả năng sinh lời (%)		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	22,00	6,10
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	21,70	2,70
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	5,70	0,70
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	21,70	9,10



Nhìn chung các chỉ tiêu tài chính cơ bản thể hiện tình hình tài chính năm 2022 tốt hơn đáng kể so với năm 2021.

Hệ số nợ vay trên tổng tài sản 0,41 lần vào cuối năm 2022 so với 0,45 lần vào cuối năm 2021 và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu 1,57 lần vào cuối năm 2022 so với 1,77 lần vào cuối năm 2021. Hệ số nợ vay trên tổng tài sản và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu cuối năm 2022 có giảm nhẹ so với cuối năm 2021 cho thấy tình hình tài chính đã dần đi vào ổn định.

Các chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2022 cải thiện rõ rệt cho thấy Tập đoàn đã đẩy nhanh việc tiêu thụ sản phẩm, giảm số lượng hàng tồn kho dự trữ về mức hợp lý để có thể đáp ứng kịp thời hoạt động của Tập đoàn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm nay tốt hơn năm trước cho thấy định hướng kinh doanh của Tập đoàn đang đi đúng hướng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN



Cây ăn trái

Đây là ngành kinh doanh chủ lực của Tập đoàn hiện nay, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu, có tỷ suất lợi nhuận cao và vẫn sẽ được duy trì là ngành chiến lược trong thời gian tới.



Ngành chăn nuôi heo

Trong năm 2022 doanh thu của ngành này chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn. Tuy nhiên, sang năm 2023 HĐQT nhận định ngành chăn nuôi heo sẽ gặp khó khăn và không thể tạo ra lợi nhuận cho Tập đoàn do giá heo liên tục giảm trong thời gian gần đây.



Bệnh viện, bóng đá

Đây là hai mảng chủ yếu để quảng bá hình ảnh và tham gia đóng góp công tác xã hội của Tập đoàn.



Về hệ thống quản trị

Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo.

Năm 2022 Hội đồng Quản trị đã tổ chức, triển khai và thực hiện các hoạt động theo nội dung đã được quy định tại Điều lệ, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT đảm bảo việc tuân thủ các quy định nêu trên theo cách thức phù hợp và hiệu quả nhất.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2022 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Trong nửa đầu năm, tình hình kinh doanh tương đối thuận lợi nhưng từ giữa năm 2022 tình hình thay đổi khó lường. Trước tình hình đó, HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh kịp thời để đảm bảo hoạt động của Tập đoàn được xuyên suốt.

Thông qua các cuộc họp HĐQT, HĐQT và BTGD cùng nhau trao đổi về việc triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu đã được duyệt tại ĐHĐCĐ. Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo lên HĐQT về những công việc đã thực hiện cũng như các khó khăn vướng mắc gặp phải để cùng nhau tìm hướng giải quyết.

Năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của BTGD một số nội dung chủ yếu như sau:

- Triển khai các phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt để thích ứng với sự thay đổi của tình hình vĩ mô trong nước và thế giới, nhằm giảm áp lực của lạm phát và thắt chặt tín dụng;
- Tập trung mọi nguồn lực cho hai ngành nghề kinh doanh cốt lõi là chăn nuôi và trồng trọt;
- Thực hiện các thủ tục liên quan tới việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang và đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai;
- Hoàn thành cơ bản việc thoái vốn đầu tư vào Nhóm Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, giảm mạnh số dư nợ ngân hàng và giảm chi phí lãi vay;
- Triển khai thủ tục phát hành và chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Kiểm tra công tác quản lý, điều hành của BTGD để được thực hiện theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động trong Công ty;
- Giám sát, chỉ đạo việc công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó, HĐQT đánh giá BTGD đã bám sát và thực hiện theo đúng chỉ đạo của HĐQT để ra, đồng thời BTGD tuân thủ đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Về tài chính

Tiếp tục thực hiện các biện pháp tái cơ cấu tài chính nhằm giảm hơn nữa số dư nợ phải trả ngân hàng so với mức hiện tại.

Về hệ thống quản trị

Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quy trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao và tiêu hao tài nguyên ít nhất.

Về sản xuất, kinh doanh

Đẩy mạnh triển khai chiến lược kinh doanh tập trung vào ngành cây ăn trái trong đó chủ yếu là chuối nhằm tận dụng thời cơ tăng giá đang có.

Vẫn duy trì quy mô chăn nuôi heo hiện tại, chuẩn bị sẵn cơ sở vật chất chờ khi điều kiện thị trường thuận lợi sẽ mở rộng sản xuất.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC,

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

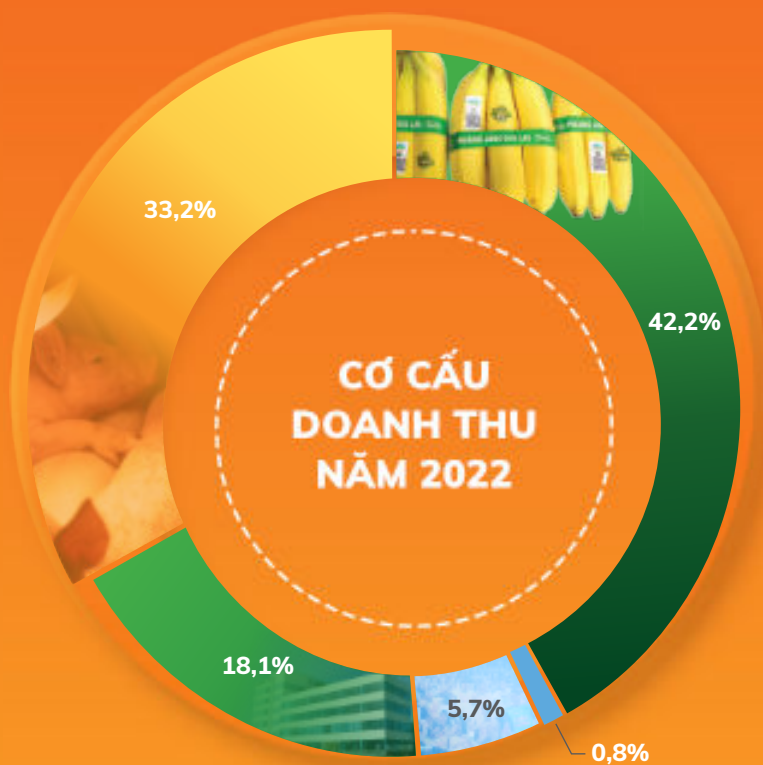
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2022, tổng doanh thu đạt
5.111 tỷ đồng
vượt **14%** kế hoạch
đã được Đại hội đồng cổ đông
thường niên 2022 thông qua.

Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề như sau:

Ngành kinh doanh	Năm 2022		Năm 2021		Năm 2020	
	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)
Trái cây	2.156	42,2	1.004	47,9	2.283	71,9
Heo	1.697	33,2	558	26,6	121	3,8
Sản phẩm, hàng hóa	924	18,1	317	15,1	40	1,3
Dịch vụ cung cấp khác	293	5,7	218	10,4	466	14,7
Doanh thu khác	41	0,8	-	-	-	-
Mủ cao su	-	-	-	-	266	8,4
Tổng doanh thu	5.111	100,0	2.097	100,0	3.177	100,0



- ◆ Trái cây
- ◆ Heo
- ◆ Sản phẩm, hàng hóa
- ◆ Dịch vụ cung cấp khác
- ◆ Khác

TRONG ĐÓ:

Doanh thu bán trái cây đạt 2.156 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 42,2% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 643 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 29,8%. Đây tiếp tục là mảng đóng góp lớn vào doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2022 và những năm tiếp theo sau này.

Doanh thu bán heo đạt 1.697 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 33,2% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 427 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 25,2%. Đây là sản phẩm có biên lợi nhuận gộp lớn chỉ đứng sau trái cây. Đây cũng là sản phẩm chính của Tập đoàn (bên cạnh trái cây).

Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa đạt 924 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 18,1% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 73 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 7,9%. Hoạt động này chủ yếu cung cấp vật tư, hàng hóa cho ngành nông nghiệp.

Doanh thu dịch vụ cung cấp khác đạt 293 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 5,7% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 28 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 9,6%. Chủ yếu từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai và kinh doanh khách sạn, v.v.

Doanh thu khác đạt 41 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,8% trong tổng số doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 2 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp là 4,9%. Doanh thu khác chủ yếu là doanh thu bán bò.

Những nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2022

Giá heo giảm trong khi nguồn cung ổn định và chi phí thức ăn chăn nuôi ở mức cao do đứt gãy chuỗi cung ứng bởi cuộc xung đột Nga-Ukraine chính là các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp chăn nuôi trong năm 2022, trong đó có Tập đoàn. Mặt khác, thị trường tiêu thụ trái cây chủ yếu của Tập đoàn là thị trường Trung Quốc cũng bị ảnh hưởng nặng nề do đợt bùng phát Covid mới nhất lan rộng trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Đứng trước khó khăn đó, Hội đồng quản trị luôn sát cánh và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh chiến lược kinh doanh, đưa ra những quyết sách thiết thực và kịp thời nhằm giúp tháo gỡ những khó khăn của Tập đoàn, vừa giúp ổn định và duy trì sản xuất. Về kinh doanh, năm 2022 Tập đoàn giảm lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc bằng cách tăng cường xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc. Về tài chính, sau thời gian tái cấu trúc sâu rộng, khoản nợ vay ngân hàng đã được kiểm soát hợp lý nên Tập đoàn giảm bớt áp lực trả nợ vay, từ đó tập trung nguồn lực đầu tư và mở rộng sản xuất trong năm nay và các năm tiếp theo.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC,

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2022, các số liệu tài chính tăng so với năm 2021 là do Tập đoàn đã đầu tư mở rộng sản xuất nhằm tạo đà tăng trưởng trong tương lai, cụ thể:

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản năm 2022 tăng 7,4% so với năm 2021, tương đương tăng 1.358 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

	Năm 2022	Năm 2021	Biến động	%
Tài sản ngắn hạn	8.038	7.052	986	14,0
Tài sản dài hạn	11.760	11.388	372	3,3
Tổng tài sản	19.798	18.440	1.358	7,4

Tài sản ngắn hạn năm 2022 tăng 14%, tương đương 986 tỷ đồng là do doanh thu tăng nên các khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng tăng.

Tài sản dài hạn tăng 3,3% tương đương tăng 372 tỷ đồng chủ yếu là do tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng do trong năm Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào vườn chuỗi và xây dựng thêm các cụm chuồng trại nuôi heo theo kế hoạch đã đề ra nhằm tạo cơ sở để tăng sản lượng trong tương lai.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

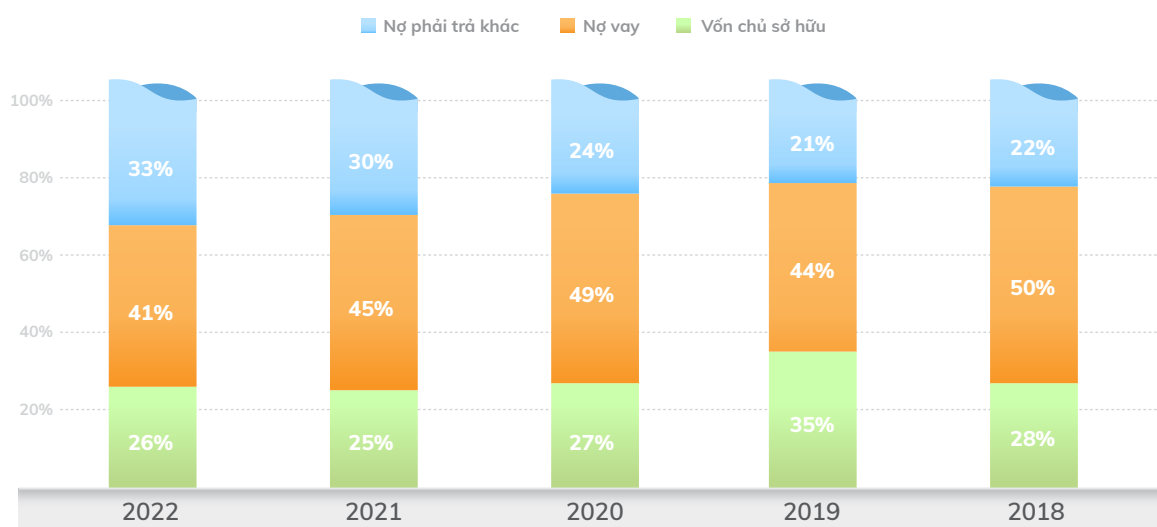
Tổng nợ phải trả năm 2022 tăng 6,1% so với năm 2021, tương đương tăng 836 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

	Năm 2022	Năm 2021	Biến động	%
Nợ ngắn hạn	9.218	6.755	2.463	36,5
Vay ngắn hạn	4.000	2.510	1.490	59,4
Nợ phải trả ngắn hạn khác	5.218	4.245	973	22,9
Nợ dài hạn	5.385	7.012	(1.627)	(23,2)
Vay dài hạn	4.165	5.777	(1.612)	(27,9)
Nợ phải trả dài hạn khác	1.220	1.235	(15)	(1,2)
Tổng nợ phải trả	14.603	13.767	836	6,1

Nợ vay ngắn hạn tăng là do chuyển từ nợ vay dài hạn sang nợ đến hạn trả trong vòng 1 năm nên nhìn tổng thể tổng nợ phải trả tăng chủ yếu là do khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tăng. Đây là các khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Nhìn chung, tổng nợ phải trả chiếm 74% tổng nguồn vốn của Tập đoàn trong năm 2022. Chi tiết cơ cấu vốn chủ sở hữu và nợ phải trả qua các năm như sau:

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM SAU

Về tài chính

Tích cực thu hồi công nợ cũ kết hợp cùng với nguồn tiền của Tập đoàn (từ hoạt động kinh doanh, bán tài sản không hiệu quả...), Tập đoàn dự kiến sẽ trả thêm 1.000 tỷ đồng nợ ngân hàng trong năm 2023.

Về nhân sự

Thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật, nâng cao trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhằm tạo ra đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của công việc.

Về sản xuất, kinh doanh

Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích trồng cây ăn trái trong đó chủ yếu là chuối. Duy trì và kiểm soát chi phí liên quan đến hoạt động chăn nuôi đảm bảo cho hoạt động này hòa vốn trong năm 2023, duy trì và tái đàn để nắm bắt cơ hội giá heo phục hồi.

“ Triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp để đạt được kế hoạch mà Hội đồng quản trị đề ra.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2022)
1	Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	0,00%
2	Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	0,00%
3	Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	0,00%

CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Số Biên bản họp và Ngày	Số thành viên tham dự	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Biên bản số 01/2022/ BB-BKS ngày 22/03/2022	3/3	Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021. Xem xét Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2021.	100%
2	Biên bản số 02/2022/ BB-BKS ngày 25/04/2022	3/3	Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022. Xem xét Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2022.	100%
3	Biên bản số 03/2022/ BB-BKS ngày 29/07/2022	3/3	Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022. Xem xét Báo cáo Tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022.	100%
4	Biên bản số 04/2022/ BB-BKS ngày 26/10/22	3/3	Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022. Xem xét Báo cáo Tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2022.	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của BKS, trong năm 2022, BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BTGD thông qua việc:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, theo đó BKS nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế, tham gia chất vấn và đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Theo dõi tiến độ thực hiện các kế hoạch đề ra trong Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên;
- Đánh giá thông tin trong các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Tập đoàn được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định hiện hành;
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Tập đoàn theo đúng quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2022

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Kết quả kinh doanh năm 2022: Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế trên thế giới và trong nước có những biến chuyển bất lợi, HĐQT và BTGD đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ 2022. Cụ thể doanh thu thuần đạt 5.111 tỷ đồng vượt 14% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.125 tỷ đồng đạt kế hoạch đề ra.
- Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2022: Do Báo cáo tài chính năm 2022 vẫn còn khoản lỗ lũy kế nên khoản Lợi nhuận năm 2022 ưu tiên bù lỗ các năm trước và không phân phối lợi nhuận.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT,

KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

TIẾP THEO

KIỂM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

BKS đã phối hợp với Phòng kế toán của Tập đoàn trong việc trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán, thiết lập các quy trình làm việc với kiểm toán độc lập và các vấn đề khác cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Theo đó, BKS đã tham gia tích cực vào quy trình phát hành báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cuối năm của Tập đoàn. BKS rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính và thông báo kết quả soát xét đến HĐQT. Trong đó có nêu vấn đề cần nhấn mạnh sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 3.341.007.157 ngàn đồng. Ngoài ra tại ngày này, Nợ ngắn hạn của Tập đoàn cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 1.179.502.574 ngàn đồng. Bên cạnh đó Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Theo giải trình của BTGD, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, BTGD Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài vấn đề cần lưu ý trên, BKS đánh giá Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính Năm được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BTGD

Trong năm 2022, BKS đã tham dự các cuộc họp của HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, theo đó BKS nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế và tình hình thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

BKS cũng đã thực hiện việc giám sát điều hành của BTGD thông qua việc phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với Ban điều hành trong việc lập kế hoạch, hoạt động kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn. Từ kết quả của các cuộc kiểm toán, BKS đã nêu nhiều góp ý để BTGD hoàn thiện hệ thống quản lý, hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BTGD

Trong quá trình giám sát hoạt động của Công ty, BKS đã được HĐQT, BTGD và các cán bộ quản lý cung cấp kịp thời các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

Không có yêu cầu kiểm tra hoặc khiếu nại nào từ Cổ đông.

LỰA CHỌN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Nhằm thực hiện nhiệm vụ của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS, dự kiến kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023 như sau:

Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Giám sát việc quản lý và điều hành Tập đoàn của HĐQT và TGD.

Kiểm tra, đánh giá các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn.

Các vấn đề khác.





THÍCH ỨNG VỚI
THỊ TRƯỜNG

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY,

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

**TÊN CỔ PHẦN:
CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÀNG ANH GIA LAI**

Vốn điều lệ

9.274.679.470.000 đồng

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần: 927.467.947 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 927.399.283 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ: 68.664 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 927.399.283 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Ngày đăng ký cuối cùng 24/03/2023)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/VĐL (%)
1	Cổ đông trong nước	52.223	901.652.258	97,22
1.1	Cá nhân	52.152	897.773.773	96,80
1.2	Tổ chức	71	3.878.485	0,42
2	Cổ đông nước ngoài	583	25.815.689	2,78
2.1	Cá nhân	545	6.007.973	0,65
2.2	Tổ chức	38	19.807.716	2,13
	Tổng cộng	52.806	927.467.947	100,00

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông oàn Nguyễn c	Ch t ch H QT	319.950.533	34,50%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

→ Trong năm 2022, Công ty không tăng vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

→ Trong năm 2022, Công ty không thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT _ Thành viên không điều hành	26/26	100%
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	26/26	100%
3	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	26/26	100%
4	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập HĐQT	26/26	100%
5	Bà Nguyễn Thị Huyền (*)	Thành viên độc lập HĐQT	6/6	100%
6	Ông Trần Văn Dai (**)	Thành viên độc lập HĐQT	20/20	100%

(*) Thành viên có đơn xin từ nhiệm ngày 31/03/2022 và được ĐHĐCĐ miễn nhiệm từ ngày 08/04/2022.

(**) Thành viên được ĐHĐCĐ bầu bổ sung vào ngày 08/04/2022.

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	0701/22/NQHĐQT- HAGL	07/01/2022	Thông qua việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.	100%
2	1101/22/NQHĐQT- HAGL	11/01/2022	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021; Thông qua định hướng các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022; Và thông qua chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 để trình và xin ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.	100%
3	01/22/NQHĐQT- HAGL	21/01/2022	Thông qua việc bổ nhiệm bổ sung bà Hồ Thị Mỹ Loan giữ chức vụ Thư ký Công ty kể từ ngày 21/01/2022.	100%
4	02/22/NQHĐQT- HAGL	23/02/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.	100%
5	03/22/NQHĐQT- HAGL	14/03/2022	Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.	100%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY,

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

TIẾP THEO

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	04/22/NQHĐQT-HAGL	29/03/2022	Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang.	100%
7	0904/22/NQHĐQT-HAGL	09/04/2022	Thông qua chủ trương về việc Công ty ký kết, thực hiện hợp đồng/giao dịch với người có liên quan trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 số 01/22/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 08/04/2022.	100%
8	05/22/NQHĐQT-HAGL	14/04/2022	Thông qua việc triển khai chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 ngày 08/04/2022.	100%
9	06/22/NQHĐQT-HAGL	14/04/2022	Thông qua nội dung đảm bảo việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
10	07/22/NQHĐQT-HAGL	22/04/2022	Thông qua việc điều chỉnh danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến được chào bán.	100%
11	08/22/NQHĐQT-HAGL	25/04/2022	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán/soát xét các Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và thông qua mức thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Ban thư ký năm 2022.	100%
12	0505/22/NQHĐQT-HAGL	05/05/2022	Thông qua chủ trương kế hoạch hỗ trợ tài chính cho Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai trong năm 2022.	100%
13	09/22/NQHĐQT-HAGL	25/05/2022	Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	100%
14	1006_1/22/NQHĐQT-HAGL	10/06/2022	Thông qua điều chỉnh, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.	100%
15	1006_2/22/NQHĐQT-HAGL	10/06/2022	Thông qua triển khai phương án tăng vốn điều lệ, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và một số vấn đề liên quan.	100%
16	11/22/NQHĐQT-HAGL	18/07/2022	Thông qua bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.	100%
17	12/22/NQHĐQT-HAGL	22/07/2022	Thông qua bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai.	100%
18	13/22/NQHĐQT-HAGL	24/08/2022	Thông qua nội dung và chấp thuận việc ký kết Thỏa thuận cam kết giữa Công ty với Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	100%
19	14/22/NQHĐQT-HAGL	05/09/2022	Thông qua điều chỉnh nội dung bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	15/22/NQHĐQT-HAGL	22/09/2022	Thông qua việc tạm dừng hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty đã nộp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	100%
21	16/22/NQHĐQT-HAGL	22/09/2022	Thông qua trả một phần nợ gốc trái phiếu do Công ty phát hành ngày 30/12/2016.	100%
22	17/22/NQHĐQT-HAGL	26/09/2022	Thông qua tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến được chào bán, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và một số vấn đề liên quan.	100%
23	18/22/NQHĐQT-HAGL	26/09/2022	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.	100%
24	19/22/NQHĐQT-HAGL	14/10/2022	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.	100%
25	20/22/NQHĐQT-HAGL	14/10/2022	Thông qua bảo lãnh khoản vay của các cá nhân tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.	100%
26	21/22/NQHĐQT-HAGL	15/10/2022	Thông qua bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.	100%

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Công ty hiện có 02/05 thành viên là thành viên độc lập HĐQT, đảm bảo số lượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Trong năm 2022, các thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, cùng xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề đặt ra tại từng cuộc họp. Với tư cách độc lập, các thành viên HĐQT đã đưa ra các ý kiến đánh giá, đóng góp về chuyên môn trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng quản trị công ty. Trong bối cảnh kinh tế năm 2022 có nhiều khó khăn, thử thách, các thành viên độc lập HĐQT đã tích cực phối hợp với các thành viên HĐQT khác chỉ đạo BTGD hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty, mang lại lợi ích to lớn cho cổ đông và các bên liên quan.

Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và tổ chức theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Thư mời và tài liệu của cuộc họp được gửi đến các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Chủ tịch HĐQT tiến hành cuộc họp theo hình thức phù hợp nhằm đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia họp đáp ứng đủ tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung tại cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng. Việc biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT được thực hiện đúng theo quy định, dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đạt được hiệu quả cao, kịp thời quyết định các vấn đề cấp thiết trong hoạt động của Công ty.

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp với các thành viên độc lập HĐQT chỉ đạo BTGD hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty, mang lại lợi ích to lớn cho cổ đông và các bên liên quan, bảo đảm lợi ích của Công ty.

HĐQT đã thực hiện bám sát các hoạt động của BTGD, giám sát và chỉ đạo thường xuyên, kịp thời. Bên cạnh đó, BTGD đã nắm bắt và tuân thủ theo đúng chỉ đạo của HĐQT để ra, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY,

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Tổng mức thu nhập (bao gồm tiền lương và các khoản thù lao) của HĐQT, BTGD và BKS trong năm 2022:

Thu nhập của các thành viên HĐQT, BTGD và BKS trong năm 2022 như sau (ĐVT: Ngàn VND)

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (*)
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.574.084
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGD	2.129.349
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.547.330
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập HĐQT	256.500
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập HĐQT	108.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó TGD	1.271.810
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS	766.299
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS	277.780
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS	163.800
Các cá nhân khác		1.535.698
Tổng cộng		10.630.650

(*) Bao gồm tiền lương và / hoặc các khoản thù lao khác

Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ
1	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con và tổ chức có liên quan của bà Hồ Thị Kim Chi	5900988952, ngày cấp: 03/06/2014, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
2	Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con từ ngày 31/3/2022	5901147416, ngày cấp: 19/06/2020, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
3	Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con và tổ chức có liên quan của bà Võ Thị Mỹ Hạnh	5901046432, ngày cấp: 12/10/2016, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
4	Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Tổ chức có liên quan của ông Đoàn Nguyên Đức	5900712753, ngày cấp: 26/05/2010, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,...)
		(Số cổ phiếu)	(Tỷ lệ)	(Số cổ phiếu)	(Tỷ lệ)	
1	Nguyễn Thị Thơm - Người liên quan người nội bộ Đoàn Nguyên Đức	150.375	0,02%	120.375	0,01%	Bán
2	Đoàn Hoàng Anh - Người liên quan người nội bộ Đoàn Nguyên Đức	8.000.000	0,86%	10.000.000	1,08%	Mua

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, BTGD điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty:

Đa số thành viên HĐQT, BTGD, BKS và Thư ký Công ty đã tham gia khóa học và được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo về Quản trị công ty được cấp bởi Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thời điểm giao dịch	Số Nghị quyết / Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
28/03/2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/22/ NQĐHĐCĐ- HAGL và Nghị quyết HĐQT số 0904/22/NQHĐQT- HAGL	Cho vay Giá trị: 20.000.000 ngàn VND	
27/01/2022		Cho vay Giá trị: 20.300.000 ngàn VND	Tại thời điểm cấp khoản vay chưa là công ty con
15/10/2022	Nghị quyết HĐQT số 21/22/NQHĐQT- HAGL ngày 15/10/2022	Bảo lãnh khoản vay: Giá trị: 300.000.000 ngàn VND	
16/02/2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/22/ NQĐHĐCĐ- HAGL và Nghị quyết HĐQT số 0904/22/NQHĐQT- HAGL	Cho vay: Giá trị: 859.450.770 ngàn VND	
14/03/2022	Nghị quyết HĐQT số 03/22/NQHĐQT- HAGL	Bảo lãnh khoản vay: Giá trị: 400.000.000 ngàn VND	
22/07/2022	Nghị quyết HĐQT số 12/22/NQHĐQT-HAGL	Bảo lãnh khoản vay: Giá trị: 500.000.000 ngàn VND	
24/08/2022	Nghị quyết HĐQT số 13/22/NQHĐQT-HAGL	Thỏa thuận cam kết giữa Công ty với Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



HAGL luôn tuân thủ việc công bố thông tin đầy đủ, công khai và minh bạch theo các quy định của pháp luật. Các thông tin công bố định kỳ như Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty, Báo cáo thường niên,... luôn được Tập đoàn công bố đúng thời hạn quy định.

BÊN CẠNH ĐÓ, CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ KHÁC CŨNG ĐƯỢC CHÚ TRỌNG, CỤ THỂ NHƯ:



Tổ chức gặp gỡ, trao đổi trực tiếp giữa lãnh đạo Tập đoàn với nhà đầu tư, cổ đông.



Lắng nghe góp ý, tư vấn của cổ đông trong việc ngăn ngừa, xử lý khủng hoảng và các hoạt động có liên quan khác.



Chuẩn bị tài liệu cho báo chí, cho cổ đông tại đại hội đồng cổ đông.



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ



Nhằm khẳng định tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế và chứng minh sự tăng trưởng ổn định của Công ty, giúp cổ đông và nhà đầu tư có thể đưa ra các quyết định phù hợp đồng thời tạo tâm lý yên tâm với các cổ đông đầu tư dài hạn; trong năm 2022, HAGL đã tổ chức nhiều chuyến tham quan thực tế các dự án của Tập đoàn tại Gia Lai, Lào và Campuchia với sự tham gia của hàng trăm cổ đông và nhà đầu tư. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức cùng Ban lãnh đạo Tập đoàn trực tiếp hướng dẫn các cổ đông, nhà đầu tư thăm vườn chuối, nhà máy chế biến chuối xuất khẩu, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và trang trại chăn nuôi heo ăn chuối... Trong chuyến đi, các cổ đông, nhà đầu tư đã có buổi tiếp xúc và trò chuyện với Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức, qua đó giúp cho đoàn hiểu rõ hơn về tầm nhìn, chiến lược, định hướng kinh doanh của Tập đoàn trong thời gian tới. Các cổ đông cũng đã nêu nhiều ý kiến bổ ích giúp cho công tác vận hành, quản trị của Tập đoàn ngày càng tốt hơn. Anh Nguyễn Ngọc Minh, một cổ đông cho biết: “Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một sờ tận tay như chuyến đi farm lần này. Qua chuyến đi, chúng tôi củng cố niềm tin cho việc đầu tư vào HAG”.



QUẢN LÝ RỦI RO



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

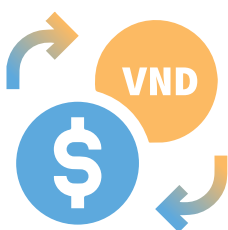
Bản chất

Giá cả các sản phẩm nông nghiệp của Tập đoàn đều có liên thông với thị trường thế giới, đặc biệt là thị trường Trung Quốc và biến động hàng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

Thị trường Trung Quốc đã và đang phát triển mạnh và có nhiều cơ hội, nhưng việc HAGL tập trung xuất khẩu vào một thị trường là rủi ro tiềm ẩn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo nhất quán chất lượng sản phẩm. Tập đoàn luôn kiểm soát, đảm bảo chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Tập đoàn cũng sẽ từng bước đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng đến những quốc gia có sức tiêu thụ cao để tránh rủi ro biến động giá của một thị trường.



RỦI RO TỶ GIÁ

Bản chất

Trong những năm gần đây, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng Nhà nước, vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, để phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra trong tương lai.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu là chủ yếu. Nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động hơn trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Tập đoàn tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Tập đoàn luôn giữ danh mục nợ phải trả phù hợp với cơ cấu dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại tiền tệ.



RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án. Tập đoàn sử dụng nhiều vốn vay ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn chú trọng xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh; nỗ lực giảm dần nợ vay và tăng vốn chủ sở hữu.



RỦI RO PHÁP LÝ

Bản chất

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phiếu, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... Các văn bản quy phạm pháp luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về pháp luật và các chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Ngoài ra, thị trường nông sản cũng bị chi phối bởi các rào cản thuế quan, kĩ thuật, môi trường và bảo hộ của các quốc gia nhập khẩu.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý (nếu có) đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tham mưu cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản, hợp đồng trong những giao dịch hằng ngày của Tập đoàn để hạn chế các rủi ro có liên quan.



CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

Bản chất

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn với các rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như: dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn... Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn sẽ từng bước thí điểm áp dụng công nghệ cao trong dự báo thiên tai, dịch bệnh để có các biện pháp ứng phó chủ động.

Tập đoàn tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro.





PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



AN TOÀN TRONG LAO ĐỘNG, CHĂM LO SỨC KHỎE CBNV

Ngoài việc tuân thủ chế độ đối với người lao động theo quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, HAGL chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai; miễn giảm viện phí đối với nhân viên đang công tác tại nước ngoài, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ bệnh tật, chế độ thai sản... Bên cạnh đó, Tập đoàn tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy, sơ cứu - cấp cứu, an toàn lao động, vệ sinh - an toàn thực phẩm, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật...



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

AN SINH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong những năm qua, HAGL luôn chú trọng xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc tốt nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực. Tập đoàn thực hiện trách nhiệm đối với người lao động dựa trên 3 tiêu chí:

**Tổng số lao động
của Tập đoàn cuối năm 2022**

2.084

NGƯỜI

Nhân viên nữ

40%

Quản lý nữ

35%

ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG

Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. HAGL ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Hiện nay, số lượng nhân viên nữ chiếm 40%, số quản lý là nữ chiếm trên 35%.

CƠ HỘI PHÁT TRIỂN

Tại HAGL, công việc được sắp xếp, phân công phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức nỗ lực hết mình.

Tập đoàn luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ cho CBNV ở tất cả các lĩnh vực chuyên môn như tài chính, quản trị, nông nghiệp, y tế... Tập đoàn mở lớp huấn luyện sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, nhận thức tiêu chuẩn ISO 9001, Global GAP, Viet GAP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP; đào tạo đánh giá viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc, thiết bị tại các nhà máy và nông trường.

Đối với người lao động từ các địa phương xa đến làm việc tại các nông trường, nhà máy, HAGL xây dựng các công trình phục vụ người lao động tại dự án như: nhà ở công nhân, nhà vệ sinh công cộng, tổ chức xe đưa đón... nhằm giúp CBNV yên tâm công tác.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá, từ nhiều năm qua, HAGL luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi sinh nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường...

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TIÊU THỤ NƯỚC

HAGL sử dụng nguồn nước chủ yếu cho việc tưới tiêu cây trồng, nhà máy chế biến hoa quả, chăn nuôi heo, gà... một cách tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế tối đa tác động xấu tới nguồn nước.

Ứng dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel tiết kiệm 50 - 70% lượng nước tưới so với các hình thức tưới thông thường. Đây luôn là lựa chọn ưu tiên trong khâu tưới tiêu của các dự án nông nghiệp HAGL.



TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

Việc đầu tư của Tập đoàn tuân thủ các quy định và luật về môi trường.

Bộ phận Môi trường kiểm soát tốt các hoạt động sản xuất tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng.

Ban hành Quy chế sử dụng hóa chất và tiến hành giám sát đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học.

Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án.

Duy trì hợp tác với Bureau Veritas - tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận nhằm thực hiện những cam kết hoạch định, phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các giá trị thiên nhiên.



Tỷ lệ tái chế
ống tưới hồng lên đến

90%

GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel giúp HAGL hạn chế tối đa dư lượng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm vào trong đất góp phần giảm thiểu mức độ gây tác động xấu đến đất đai và mạch nước ngầm, cải tạo vi khí hậu khu tưới. Ngoài ra, hình thức tưới nhỏ giọt cũng không gây xói mòn, bạc màu...

Sử dụng các nguyên vật liệu có thể tái sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm:

- Tái sử dụng bao đựng phân bón để thu gom rác thực vật trong lô (như trái, quả hư, cành, lá,...). Trong đó có 50% số bao được tái sử dụng.
- Ống nước tưới các loại (như ống PVC, ống HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới nước nhỏ giọt cho các vườn cây. Các ống tưới đã qua sử dụng bị đứt, gãy được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.



Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn

“Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn” là chương trình trách nhiệm với cộng đồng của Tập đoàn được duy trì và triển khai liên tục trong nhiều năm qua, bao gồm việc ủng hộ các Quý người nghèo, Quý bảo trợ trẻ em, Quý chất độc màu da cam, quyên góp giúp người dân vùng bão lũ, tổ chức tặng quà Tết cho các gia đình khó khăn...



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Câu lạc bộ Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai cũng thường xuyên thực hiện các chương trình xã hội thiện nguyện. Trong năm qua, các HLV, cầu thủ CLB đã đóng góp kinh phí tặng 10 tivi 50 inch trị giá 160 triệu đồng cho Trường Trung học cơ sở Dân tộc Nội trú huyện Đăk Đoa; tặng 25 học bổng mỗi suất 2 triệu đồng cho các em học sinh nghèo vượt khó. Đây là một trong những hoạt động hướng về cộng đồng của Câu lạc bộ nhằm chung tay chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và thực hiện chương trình an sinh xã hội tại địa phương.

Trong năm 2022, Tập đoàn đã ủng hộ Quý vì người nghèo Huyện Đăk Đoa 3 tỷ đồng; xây 02 nhà tình thương mái ấm biển cương Huyện Chư Pah trị giá 100.000.000 đồng.

“





Trong năm 2022, Bệnh viện ĐHYD Hoàng Anh Gia Lai kỷ niệm 10 năm chính thức mở cửa đón bệnh nhân đến khám, là đơn vị Y tế ngoài công lập đầu tiên của tỉnh Gia Lai chung tay xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe người dân khu vực Tây Nguyên và hai nước bạn Lào, Campuchia. Hiện nay, Bệnh viện có hệ thống hơn 20 phòng khám chuyên khoa, 12 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 7 phòng chức năng với hơn 400 nhân viên cơ hữu. Khám và điều trị cho hơn 2 triệu lượt, 120.000 bệnh nhân nội trú, 30.000 ca phẫu thuật thành công trong đó có nhiều kỹ thuật hiện đại, phức tạp. Chuyển giao và thực hiện rất nhiều ca mổ khó, kỹ thuật cao lần đầu tiên tại Gia Lai như: mổ nội soi khớp gối, thay khớp háng nhân tạo, phẫu thuật cột sống - sọ não, cấp cứu bệnh nhân bị đâm thủng tim, đột quy, cắt gan, mổ nội soi tán sỏi ngược dòng qua lỗ tự nhiên... Bệnh viện cũng đã triển khai khám chữa bệnh BHYT cho 650.000 lượt. Khám chữa bệnh cho người ngoài tỉnh phần lớn từ Kon Tum, Đắk Lắk, Bình Định gần 245.000 lượt, đặc biệt có khoảng 25.000 bệnh nhân đến từ Lào và Campuchia.

Song song với công tác chuyên môn, Bệnh viện ĐHYD Hoàng Anh Gia Lai đã cùng với Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai thực hiện tốt chủ trương an sinh xã hội với hàng chục đợt khám chữa bệnh từ thiện, phát thuốc, tặng quà cho đồng bào các huyện nghèo trong tỉnh cũng như người dân Lào, Campuchia.







GIỮ VỮNG
NIỀM TIN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 70 đến trang 135 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập Đoàn có khoản lỗ lũy kế là 3.341.007.157 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.179.502.574 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường

Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

A blue ink signature of Dương Phúc Kiên.

Dương Phúc Kiên

Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.038.560.913	7.051.853.577
110	I. Tiền	5	72.372.525	78.298.037
111	1. Tiền		72.372.525	78.298.037
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.765.361.545	6.535.652.693
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	906.404.137	553.790.175
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	766.151.359	147.090.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.017.224.678	6.516.258.180
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.155.995.000	785.572.698
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(80.413.629)	(1.467.058.833)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.148.037.609	410.031.564
141	1. Hàng tồn kho		1.150.379.184	413.734.969
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(3.703.405)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		52.789.234	27.871.283
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	17.274.977	7.124.641
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	32.372.352	17.611.524
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	3.141.905	3.135.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.759.826.640	11.387.831.414
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.430.132.241	2.958.712.989
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.745.420.930	2.452.838.426
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	702.237.574	649.545.621
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(17.526.263)	(143.671.058)
220	II. Tài sản cố định		3.821.150.484	2.809.669.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.559.467.131	2.686.778.608
222	Nguyên giá		4.624.944.890	3.518.323.463
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.065.477.759)	(831.544.855)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	261.683.353	122.890.961
228	Nguyên giá		291.426.419	145.540.126
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.743.066)	(22.649.165)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	59.975.442	62.606.294
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(14.100.389)	(11.469.537)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.620.301.248	3.495.149.075
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	4.620.301.248	3.495.149.075
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	441.689.596	1.778.826.680
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.049.961.081	1.781.156.721
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(608.271.485)	(2.330.041)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		386.577.629	282.866.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	370.108.968	271.900.161
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	16.468.661	10.966.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.798.387.553	18.439.684.991

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.603.644.212	13.766.451.651
310	I. Nợ ngắn hạn		9.218.063.487	6.754.505.795
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	535.119.892	359.479.015
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	629.603.992	528.938.858
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	8.789.821	7.155.321
314	4. Phải trả người lao động		80.012.780	98.870.565
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.857.898.088	3.088.705.929
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	81.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	106.050.215	161.601.224
320	8. Vay ngắn hạn	23	4.000.485.189	2.509.569.555
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		5.385.580.725	7.011.945.856
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	490.236.779	653.649.038
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	308.838.184	65.398.026
338	3. Vay dài hạn	23	4.165.134.234	5.776.845.065
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	416.006.694	510.611.231
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.442.496
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.194.743.341	4.673.233.340
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.194.743.341	4.673.233.340
411	1. Vốn cổ phần	24.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.221.066.442)	(602.619.336)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	282.410.699	282.410.699
421	5. Lỗ lũy kế	24.1	(3.341.007.157)	(4.467.100.553)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(4.469.752.553)	(4.670.130.714)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.128.745.396	203.030.161
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	200.413.411	186.549.700
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.798.387.553	18.439.684.991

Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	5.197.982.826	2.187.415.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(87.200.939)	(89.997.270)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	5.110.781.887	2.097.418.366
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(3.937.380.869)	(1.590.448.139)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.173.401.018	506.970.227
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	486.143.713	735.078.612
22	7. Chi phí tài chính	29	(1.649.147.246)	(1.090.293.038)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(793.176.972)	(971.878.185)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	(5.819.760)
25	9. Chi phí bán hàng	30	(251.938.809)	(129.287.166)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	1.349.894.514	174.279.229
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.108.353.190	190.928.104
31	12. Thu nhập khác	31	35.975.907	79.670.972
32	13. Chi phí khác	31	(116.111.269)	(401.205.709)
40	14. Lỗ khác	31	(80.135.362)	(321.534.737)
50	15. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		1.028.217.828	(130.606.633)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(3.649.540)	(885.768)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	100.106.552	259.098.512
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.124.674.840	127.606.111
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.128.745.396	203.030.161
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.070.556)	(75.424.050)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	1.217	219
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	1.217	219

Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		1.028.217.828	(130.606.633)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13	337.569.217	870.230.953
03	Hoàn nhập dự phòng		(908.288.047)	(885.411.353)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		222.844.063	(104.788.770)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(438.812.767)	(455.074.138)
06	Chi phí lãi vay	29	793.176.972	971.878.185
07	Các điều chỉnh khác		-	1.759.669
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.034.707.266	267.987.913
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		22.964.621	(605.054.037)
10	Tăng hàng tồn kho		(595.021.928)	(264.123.046)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(251.359.212)	82.660.109
12	Tăng chi phí trả trước		(107.385.162)	(54.040.134)
14	Tiền lãi vay đã trả		(63.237.554)	(65.501.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(3.332.591)	(2.205.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		37.335.440	(640.276.028)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(544.321.349)	(1.215.681.721)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		17.965.272	227.716.258
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(2.165.452.268)	(2.910.721.238)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.330.063.239	1.889.196.184
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(232.446.836)	(108.511.316)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		791.244.823	3.332.388.023
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.169.424	74.291.023
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		250.222.305	1.288.677.213

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Cổ đông thiểu số góp vốn	25	22.594.000	55.000
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.802.441.405	1.458.994.671
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(2.118.518.662)	(2.126.304.017)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(293.483.257)	(667.254.346)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.925.512)	(18.853.161)
60	Tiền đầu năm		78.298.037	97.151.198
70	Tiền cuối năm	5	72.372.525	78.298.037

Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau :

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay (“Khăn Xay”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“Chăn nuôi Gia Lai”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	55,00	55,00
(7) Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,75
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(8) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,97
(9) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai (“Bệnh viện HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,93
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc				
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

- (i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.754 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.753).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 3.341.007.157 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.179.502.574 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây chuối (i)	Vườn cây mít (ii)	Vườn cây xoài (iii)
Năm thứ 1	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11		5,80	5,80
Năm thứ 12		5,80	5,80
Năm thứ 13		5,80	5,80
Năm thứ 14		5,80	5,80
Năm thứ 15		5,80	5,80
Năm thứ 16		4,70	5,80
Năm thứ 17		4,70	5,80
Năm thứ 18		4,70	5,80
Năm thứ 19		4,70	5,80
Năm thứ 20		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- Chi phí dự án chăn nuôi.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Mua Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang (“Lơ Pang”)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất nghiệp vụ mua 50.000.000 cổ phần, tương đương 99,75% tỷ lệ sở hữu trong Lơ Pang từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.384.000.000 ngàn VND. Theo đó, Lơ Pang đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Lơ Pang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam là 2.129 ha. Chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá tài sản thuần của Lơ Pang phát sinh từ giao dịch này là 1.860.352.406 ngàn VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Lơ Pang là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này. Giá phí của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tạm tính tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Lơ Pang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5901147416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 19 tháng 6 năm 2020 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là chăn nuôi và trồng cây ăn trái.

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.219.381	5.616.001
Tiền gửi ngân hàng	65.153.144	72.682.036
TỔNG CỘNG	72.372.525	78.298.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	796.201.993	336.603.792
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	92.434.018	176.271.018
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	92.434.018	176.271.018
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	-	36.967.957
Phải thu khác	17.768.126	3.947.408
TỔNG CỘNG	906.404.137	553.790.175
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(13.368.976)	(66.752.042)
GIÁ TRỊ THUẦN	893.035.161	487.038.133
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (TM số 33)	480.984.431	140.075.031
Phải thu các bên thứ ba	425.419.706	413.715.144

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	66.752.042	47.861.216
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.898.642	42.126.541
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(55.281.708)	(6.867.281)
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	-	(16.368.434)
Số cuối năm	13.368.976	66.752.042

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	746.030.453	129.190.217
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	482.478.677	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	130.642.069	-
- Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	79.635.508	62.098.512
- Công ty TNHH T.B.Y.B Angkor Banana	19.609.076	19.609.076
- Các nhà cung cấp khác	33.665.123	47.482.629
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	20.120.906	17.900.256
TỔNG CỘNG	766.151.359	147.090.473
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.923.885)	(9.804.538)
GIÁ TRỊ THUẦN	756.227.474	137.285.935
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 33)	620.489.246	12.573.227
Trả trước các bên thứ ba	145.662.113	134.517.246

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.804.538	24.753.411
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	284.297	9.804.538
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(164.950)	(23.253.451)
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.499.960)
Số cuối năm	9.923.885	9.804.538

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	3.950.810.312	6.397.342.577
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	66.414.366	118.915.603
	4.017.224.678	6.516.258.180
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	1.716.613.450	2.363.749.852
Cho vay dài hạn các bên khác	28.807.480	89.088.574
	1.745.420.930	2.452.838.426
TỔNG CỘNG	5.762.645.608	8.969.096.606
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(26.017.448)	(1.392.199.669)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.736.628.160	7.576.896.937

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.392.199.669	2.305.282.094
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	18.131.990	132.005.492
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.384.314.211)	(1.045.087.917)
Số cuối năm	26.017.448	1.392.199.669
Trong đó:		
Dài hạn	17.526.263	100.526.685
Ngắn hạn	8.491.185	1.291.672.984

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2025 và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 10,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2027 và hưởng lãi suất từ 9,00%/năm đến 14,00%/năm .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho các công ty mượn	731.485.958	489.961.800
Phải thu lãi cho vay	398.751.950	256.354.007
Tạm ứng cho nhân viên	20.981.914	34.676.282
Phải thu ngắn hạn khác	4.775.178	4.580.609
	1.155.995.000	785.572.698
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	545.158.016	440.000.000
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") (*)	440.000.000	440.000.000
- Công ty TNHH MTV PTNN Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh") (**)	105.158.016	-
Phải thu lãi cho vay	149.468.394	206.136.867
Phải thu dài hạn khác	7.611.164	3.408.754
	702.237.574	649.545.621
TỔNG CỘNG	1.858.232.574	1.435.118.319
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(48.629.583)	(141.973.642)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.809.602.991	1.293.144.677
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	732.872.600	480.605.940
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 33)	579.450.774	639.457.496
Phải thu các bên thứ ba	545.909.200	315.054.883

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	141.973.642	148.514.610
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.735.820	119.320.172
Trừ: Xoá sổ trong năm	-	(6.639.117)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(95.079.879)	(119.222.023)
Số cuối năm	48.629.583	141.973.642
Trong đó:		
Ngắn hạn	48.629.583	98.829.269
Dài hạn	-	43.144.373

- (*) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Lê Me theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
- (**) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Hoàn Thịnh theo HĐHTKD ký ngày 1 tháng 11 năm 2022 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Hoàn Thịnh trong năm (5) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	994.930.021	260.560.576
<i>Trong đó:</i>		
- Chăn nuôi	876.904.395	201.590.330
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	114.595.379	54.006.258
- Hợp đồng xây dựng	3.430.247	4.963.988
Nguyên vật liệu	83.992.908	90.109.454
Hàng hóa	53.467.217	55.327.304
Thành phẩm	15.894.595	4.481.660
Công cụ, dụng cụ	2.094.443	3.255.975
TỔNG CỘNG	1.150.379.184	413.734.969
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(3.703.405)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.148.037.609	410.031.564

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.703.405	75.146.986
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	-	3.703.405
<i>Trừ:</i> Giảm do thanh lý công ty con	-	(75.146.986)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.021.896)	-
<i>Trừ:</i> Xóa sổ dự phòng trong năm	(339.934)	-
Số cuối năm	2.341.575	3.703.405

- (i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Ngàn VND	
							Tổng cộng	
Số đầu năm	1.727.150.502	282.036.776	283.628.860	4.701.322	1.187.706.552	33.099.451	3.518.323.463	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	602.022.252	5.900.481	32.070.796	-	702.470.299	-	1.342.463.828	
Mua mới trong năm	4.804.841	44.909.687	14.928.045	120.770	16.221.089	1.085.122	82.069.554	
Mua công ty con	13.434.292	37.270.751	38.383.688	88.421	55.263.658	-	144.440.810	
Chênh lệch tỷ giá	(168.096.691)	(1.178.865)	(37.501.973)	-	(181.031.791)	-	(387.809.320)	
Thanh lý	(3.997.167)	(5.605.724)	(7.569.413)	-	(57.371.141)	-	(74.543.445)	
Số cuối năm	2.175.318.029	363.333.106	323.940.003	4.910.513	1.723.258.666	34.184.573	4.624.944.890	
Trong đó:								
Đã khấu hao hết	9.407.565	30.357.139	25.315.816	3.112.292	26.517.011	18.566.116	113.275.939	
Giá trị khấu hao lũy kế								
Số đầu năm	(357.237.018)	(147.888.366)	(111.303.218)	(3.737.175)	(181.357.416)	(30.021.662)	(831.544.855)	
Khấu hao trong năm	(96.145.481)	(25.786.792)	(24.244.713)	(302.660)	(182.859.606)	(1.473.130)	(330.812.382)	
Mua công ty con	(663.586)	(1.677.021)	(5.330.611)	(27.072)	(1.714.712)	-	(9.413.002)	
Chênh lệch tỷ giá	44.227.344	517.603	10.771.174	-	16.548.716	-	72.064.837	
Thanh lý	593.757	2.483.625	6.779.451	-	24.370.810	-	34.227.643	
Số cuối năm	(409.224.984)	(172.350.951)	(123.327.917)	(4.066.907)	(325.012.208)	(31.494.792)	(1.065.477.759)	
Giá trị còn lại								
Số đầu năm	1.369.913.484	134.148.410	172.325.642	964.147	1.006.349.136	3.077.789	2.686.778.608	
Số cuối năm	1.766.093.045	190.982.155	200.612.086	843.606	1.398.246.458	2.689.781	3.559.467.131	
Trong đó:								
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)	977.946.830	190.982.155	200.612.086	111.893	849.446.936	2.623.894	2.221.723.794	

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	129.022.337	16.517.789	145.540.126
Mua công ty con	143.795.537	-	143.795.537
Mua mới trong năm	734.580	1.356.176	2.090.756
Số cuối năm	273.552.454	17.873.965	291.426.419
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	4.972.323	4.972.323
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(6.153.251)	(16.495.914)	(22.649.165)
Hao mòn trong năm	(4.097.798)	(28.185)	(4.125.983)
Mua công ty con	(2.967.918)	-	(2.967.918)
Số cuối năm	(13.218.967)	(16.524.099)	(29.743.066)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	122.869.086	21.875	122.890.961
Số cuối năm	260.333.487	1.349.866	261.683.353
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)</i>	125.444.952	21.875	125.466.827

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Khấu hao và hao mòn trong năm	(739.394)	(1.891.458)	(2.630.852)
Số cuối năm	(5.175.759)	(8.924.630)	(14.100.389)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.635.657	39.970.637	62.606.294
Số cuối năm	21.896.263	38.079.179	59.975.442
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)</i>	23.005.354	40.916.366	63.921.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.118.356	1.339.779
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.852	2.630.852

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	3.469.201.648	2.365.989.272
Dự án chăn nuôi	1.079.666.555	938.358.956
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	12.454.883	99.599.782
Khác	58.978.162	91.201.065
TỔNG CỘNG	4.620.301.248	3.495.149.075

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 41.776.063 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16.164.187 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.049.961.081	1.781.156.721
TỔNG CỘNG	1.049.961.081	1.781.156.721
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(608.271.485)	(2.330.041)
GIÁ TRỊ THUẦN	441.689.596	1.778.826.680

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	-

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

16.2 Đầu tư góp vốn vào các các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*) (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040	16,07	1.772.626.680
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			1.049.961.081		1.781.156.721
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(608.271.485)		(2.330.041)
GIÁ TRỊ THUẦN			441.689.596		1.778.826.680

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

(i) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 73.518.700 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Với tổng giá trị chuyển nhượng là 791.244.823 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 60.049.183 ngàn VND (TM số 27.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 9,44%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	7.841.439	3.570.321
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	4.582.698	239.078
Chi phí khác	4.850.840	3.315.242
	17.274.977	7.124.641
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi	193.635.580	110.024.320
Chi phí khai hoang	112.645.680	124.639.291
Tiền thuê đất	31.559.049	10.473.443
Công cụ, dụng cụ	28.107.249	22.449.231
Chi phí khác	4.161.410	4.313.876
	370.108.968	271.900.161
TỔNG CỘNG	387.383.945	279.024.802

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	525.462.721	317.277.378
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	217.889.882	59.671.882
- Các nhà cung cấp khác	307.572.839	257.605.496
Phải trả nhà thầu xây dựng	5.791.244	8.728.257
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	3.436.935	33.473.380
Phải trả người bán khác	428.992	-
TỔNG CỘNG	535.119.892	359.479.015
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	488.034.594	220.748.397
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	47.085.298	138.730.618

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	405.022.324	215.077.428
- Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền	162.680.988	-
- Công ty Cổ Phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	-	162.680.988
- Công ty Cổ phần Giấy Đức Phú	92.686.888	-
- Các khách hàng khác	149.654.448	52.396.440
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 33)	224.581.668	313.861.430
TỔNG CỘNG	629.603.992	528.938.858

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.611.524	69.683.587	(54.922.759)	32.372.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	7.539	-	-	7.539
Thuế khác	3.127.579	114.889	(108.102)	3.134.366
TỔNG CỘNG	20.746.642	69.798.476	(55.030.861)	35.514.257
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	3.365.161	17.902.239	(16.745.849)	4.521.551
Thuế giá trị gia tăng	3.102.325	59.758.250	(59.808.910)	3.051.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	631.518	3.649.540	(3.332.591)	948.467
Thuế khác	56.317	4.205.029	(3.993.208)	268.138
TỔNG CỘNG	7.155.321	85.515.058	(83.880.558)	8.789.821

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.821.476.663	3.065.930.895
Chi phí hoạt động	10.244.760	1.534.315
Chi phí khác	26.176.665	21.240.719
	3.857.898.088	3.088.705.929
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	490.236.779	653.649.038
TỔNG CỘNG	4.348.134.867	3.742.354.967

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	67.033.009	111.183.498
Phải trả các cá nhân khác	1.365.203	1.276.235
Khác	37.652.003	49.141.491
	106.050.215	161.601.224
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	308.838.184	65.398.026
TỔNG CỘNG	414.888.399	226.999.250
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	<i>207.699.762</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>195.987.313</i>	<i>208.884.310</i>
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	<i>11.201.324</i>	<i>18.114.940</i>

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả trong vòng 1 năm (TM số 23.2)	2.058.184.544	1.293.017.564
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	1.002.710.388	511.870.419
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng 1 năm (TM số 23.3)	901.090.257	704.681.572
Vay ngắn hạn từ công ty (TM số 23.4)	38.500.000	-
	4.000.485.189	2.509.569.555
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.2)	3.681.058.998	5.142.773.631
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.3)	293.409.297	497.175.885
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.5)	190.665.939	136.895.549
	4.165.134.234	5.776.845.065
TỔNG CỘNG	8.165.619.423	8.286.414.620

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	2.509.569.555	5.776.845.065	8.286.414.620
Tiền thu từ đi vay	1.564.641.405	237.800.000	1.802.441.405
Mua công ty con	194.157.500	92.971.250	287.128.750
Chênh lệch tỷ giá	27.916.641	(3.004.214)	24.912.427
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.958.082	6.494.264	8.452.346
Vay dài hạn đến hạn trả	1.680.797.668	(1.680.797.668)	-
Cấn trừ với các khoản phải thu	(3.000.000)	(122.211.463)	(125.211.463)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.975.555.662)	(142.963.000)	(2.118.518.662)
Số cuối năm	4.000.485.189	4.165.134.234	8.165.619.423

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	Ngàn VND	
Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai	690.999.004	499.998.646
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	282.000.000	-
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	24.740.782	9.914.824
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	4.970.602	1.956.949
TỔNG CỘNG	1.002.710.388	511.870.419

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay từ ngày 12 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 12 năm 2022	499.999.004	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2023 đến 30 tháng 6 năm 2023	8,60 - 13,50	90.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Khoản vay ngày 3 tháng 10 năm 2022 đến ngày 20 tháng 10 năm 2022	191.000.000	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2023 đến ngày 20 tháng 7 năm 2023	9,50	23.751.983 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức;
				Quyền sử dụng đất ("QSDĐ") và khai thác 10,29 ha (2 bì) tại Xã IA Tiêm, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang");
				QSDĐ và khai thác 2,58 ha (1 bì) tại Xã IA Bông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang;
				QSDĐ và khai thác 2,1 ha (4 bì) tại Xã IA Grai, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang
				QSDĐ và khai thác 16,5 ha (6 bì) tại Làng Ngol, Xã La Bông, Huyện Dakdo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang;
				QSDĐ và khai thác 14,4 ha (3 bì) tại Làng Klah, Xã Yang Bắc, Huyện DakPơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang;
				QSDĐ và khai thác 1,26 ha (2 bì) ở Thôn Breng, Xã Ia Pếch, Huyện Dakdo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang;
				QSDĐ và khai thác 4,59 ha (3 bì) ở Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Prông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Dương Trần Hùng.
TỔNG CỘNG	690.999.004			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong				
Khoản vay từ ngày 14 tháng 10 năm 2022 đến ngày 8 tháng 11 năm 2022	282.000.000	Từ 28 tháng 4 năm 2023 đến 1 tháng 7 năm 2023	10,60 - 11,50	Bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu, Lào theo QSDĐ số 483/STNMT và số 0097/TNMT.
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak				
Khoản vay từ ngày 13 tháng 12 năm 2022 đến 20 tháng 12 năm 2022	24.740.782	Từ ngày 13 tháng 12 năm 2023 đến 20 tháng 12 năm 2023	LAK: 10,00 USD: 8,00	QSDĐ diện tích: 6,83 ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số: A 738-638 địa chỉ tại: Bản Hạt san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào, đất xây dựng xây trụ sở văn phòng và kho hàng hóa.
BIDV, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay từ ngày 4 tháng 11 năm 2022 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022	4.970.602	Từ ngày 4 tháng 4 năm 2023 đến 17 tháng 4 năm 2023	9,90 - 10,20	Máy móc thiết bị, một phần các phương tiện vận tải, và các công trình khác Bệnh viện HAGL.

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.271.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank") (i)	200.000.000	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(31.756.458)	(40.208.805)
TỔNG CỘNG	5.739.243.542	6.435.791.195
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	3.681.058.998	5.142.773.631
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.058.184.544	1.293.017.564

(i) Trong năm, Công ty có khoản thanh toán gốc và lãi trái phiếu tới hạn trả vào ngày 28 tháng 10 năm 2022 với tổng số tiền là 114.365.068 ngàn VND. Vào ngày 7 tháng 11 năm 2022, Công ty đã thực hiện thanh toán phần gốc và lãi trái phiếu nêu trên cùng với việc thanh toán chi phí phạt chậm nộp là 452.962 ngàn VND.

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13, 14 và 16)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.271.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2022: 7,525 - 10,40)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kong (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu; Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cò dậu tại tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 44.926.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyễn Đức sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,70 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD; Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc sở hữu của Bệnh viện HAGL Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc thuê sở hữu của Công ty Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuối trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 13.310.000 cổ phiếu HING thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng (tại phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y dược HAGL; 335 ha chuối tại Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Khàn Xay 2.789,72 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì; Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai; 141,60 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cao su và cò dậu thực tế đang thấp hơn phần diện tích để cập trong phần Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cò dậu. Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với tổng giá trị là 2.354.437.595 ngàn VND. Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9, 11, 12 và 14)
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2022: 10,00)	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyễn Đức.
TPBank	TP Bank	200.000.000	Lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiên kể từ Ngày phát hành là 10%/năm. Lãi suất điều chỉnh bằng tổng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân cao nhất kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 3,5%/năm (2022: 10,40)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các chương trình, dự án, đầu tư của tập đoàn	55.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyễn Đức; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất Số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 9.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Bà Đoàn Hoàng Anh.
Chi phí phát hành trái phiếu		(31.756.458)				
TỔNG CỘNG		5.739.243.542				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		3.681.058.998				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm		2.058.184.544				

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	587.790.248	637.790.252
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	297.362.966	268.686.489
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	198.000.000	192.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	111.346.340	103.380.716
TỔNG CỘNG	1.194.499.554	1.201.857.457
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	<i>901.090.257</i>	<i>704.681.572</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>293.409.297</i>	<i>497.175.885</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Eximbank				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.467	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bia đỏ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	173.949.781	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	
TỔNG CỘNG	587.790.248			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	429.490.248			
Vay dài hạn	158.300.000			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 279 tỷ VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay	297.362.966	Từ 5 tháng 5 năm 2023 đến 15 tháng 9 năm 2023	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channouit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	297.362.966			

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
TPBank - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay	102.000.000	Từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 đến ngày 14 tháng 12 năm 2023	11,70	Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Bản Hatsu, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 128 ha của Khăn Xay; Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 146,35 ha của Khăn Xay; Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Công ty tại TPBank của Chủ tịch.
Khoản vay	96.000.000	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2023 đến ngày 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 4,50 (2022: 9,65 - 10,00)	Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440735 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.
TỔNG CỘNG	198.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn	48.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	150.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	103.585.715	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2023 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,50 USD: 9,05	Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bìa đồ đất 118,2 ha và bìa đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha và bìa đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bìa đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bìa đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai	7.760.625	Ngày 29 tháng 3 năm 2025	10,80 - 12,60	Phương tiện vận tải, máy móc hình thành từ vốn vay.
Tổng cộng	111.346.340			
Trong đó:				
Vay dài hạn	87.109.297			
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	24.237.043			

23.4 Vay ngắn hạn từ công ty

Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH TMDV M.I.S.C Bình Dương	26.000.000	Ngày 24 tháng 6 năm 2023	5,00	Tín chấp
Công ty TNHH TM Dược Phẩm Đông Á	12.500.000	Ngày 15 tháng 1 năm 2023	10,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	38.500.000			

23.5 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty và cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH TMDV M.I.S.C Bình Dương	95.000.000	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	5,00	Tín chấp
Ông Lê Hiện Trung	66.106.595	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,50	Tín chấp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp KhamKauong	29.559.344	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	190.665.939			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lũy kế	Ngàn VND
Năm trước							Tổng cộng
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	203.030.161	203.030.161
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(415.520.163)	-	-	(415.520.163)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Sử dụng thặng dư vốn để cân trừ lỗ lũy kế	-	(3.263.858.784)	-	-	-	3.263.858.784	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(617.676.247)	(617.676.247)
Thanh lý công ty con	-	-	-	1.253.037.089	-	(1.013.165.414)	239.871.675
Số cuối năm	9.274.679.470	-	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640
Năm nay							
Số đầu năm	9.274.679.470	-	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.128.745.396	1.128.745.396
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(618.447.106)	-	-	(618.447.106)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	-	(2.652.000)	(2.652.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	-	(686.640)	(1.221.066.442)	282.410.699	(3.341.007.157)	4.994.329.930

24.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	186.549.700	4.949.332.245
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	22.594.000	55.000
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	514.446.908
Thanh lý công ty con	-	(5.201.860.403)
Mua các công ty con	(4.659.733)	-
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(4.070.556)	(75.424.050)
Số cuối năm	200.413.411	186.549.700

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	1.128.745.396	203.030.161
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.217	219
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.217	219

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	5.197.982.826	2.187.415.636
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.240.989.521	1.092.323.976
Doanh thu bán heo	1.697.175.093	557.570.467
Doanh thu bán hàng hóa	924.027.581	317.660.813
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	295.248.124	217.079.648
Doanh thu khác	40.542.507	2.780.732
Khoản giảm trừ	(87.200.939)	(89.997.270)
Giảm giá hàng bán	(87.200.939)	(89.997.270)
Doanh thu thuần	5.110.781.887	2.097.418.366
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.155.744.031	1.003.599.185
Doanh thu bán heo	1.697.175.093	557.570.406
Doanh thu bán hàng hóa	924.027.581	317.660.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	293.292.675	215.807.224
Doanh thu khác	40.542.507	2.780.733
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	3.839.128.539	1.461.630.719
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)	1.271.653.348	635.787.647

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	402.606.462	490.847.799
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 16.2)	60.049.183	240.752.906
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.078.573	1.736.874
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.310.101	1.488.773
Thu nhập cổ tức	59.973	79.956
Khác	39.421	172.304
TỔNG CỘNG	486.143.713	735.078.612
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)	375.397.894	469.372.866
Doanh thu với các bên thứ ba	110.745.819	265.705.746

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán trái cây	1.512.315.477	695.991.763
Giá vốn heo	1.270.281.990	364.662.397
Giá vốn hàng hóa	850.801.577	315.571.923
Giá vốn dịch vụ	265.621.028	211.407.412
Giá vốn khác	38.360.797	2.814.644
TỔNG CỘNG	3.937.380.869	1.590.448.139

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	793.176.972	971.878.185
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	605.941.444	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	245.332.965	105.764.243
Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.759.669
Khác	4.695.865	10.890.941
TỔNG CỘNG	1.649.147.246	1.090.293.038

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.224.977	120.959.970
Chi phí lương nhân viên	11.651.748	3.475.749
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.192.236	481.499
Chi phí khác	35.869.848	4.369.948
	251.938.809	129.287.166
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	86.586.923	76.497.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.053.198	27.087.248
Chi phí khấu hao	9.385.574	8.505.956
Phân bổ lợi thế thương mại	-	601.696.297
Hoàn nhập dự phòng	(1.512.789.999)	(891.173.929)
Chi phí khác	32.869.790	3.107.381
	(1.349.894.514)	(174.279.229)
TỔNG CỘNG	(1.097.955.705)	(44.992.063)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản	-	35.896.990
Thu nhập khác	35.975.907	43.773.982
	35.975.907	79.670.972
Chi phí khác		
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	20.706.325	25.274.918
Chi phí chuyển đổi vườn cây	16.604.992	293.716.472
Các khoản phạt	13.057.786	9.655.180
Lỗ thanh lý tài sản	8.607.960	-
Chi phí xóa sổ TSCĐ	-	14.456.054
Các khoản khác	57.134.206	58.103.085
	116.111.269	401.205.709
LỖ KHÁC	(80.135.362)	(321.534.737)

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2021: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.649.540	885.768
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(100.106.552)	(259.098.512)
TỔNG CỘNG	(96.457.012)	(258.212.744)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.028.217.828	(130.606.633)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lỗ kế toán:</i>		
Các khoản lỗ từ các công ty con	285.346.875	348.765.383
Mức trần chi phí lãi vay (*)	162.704.261	121.964.254
Lỗ chưa thực hiện trên hợp nhất	42.644.760	41.935.443
Chi phí lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	6.271.689	3.472.151
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	-	601.696.297
Lỗ từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	-	222.169.717
Lỗ từ các công ty liên kết	-	5.819.760
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(491.362.458)	(316.221.485)
Cấn trừ lỗ năm trước	(402.108.690)	(574.015.223)
Các khoản khác	(598.533.470)	(317.076.102)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	33.180.795	7.903.562
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	3.689.636	1.320.285
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.449.117	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.489.213)	(434.517)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	3.649.540	885.768
Thuế TNDN phải trả đầu năm	623.979	22.300.049
Thanh lý công ty con	-	(20.356.074)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.332.591)	(2.205.764)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	940.928	623.979
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	948.467	631.518
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	(7.539)	(7.539)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	16.468.661	10.966.646	5.502.015	(74.757.626)
	16.468.661	10.966.646	5.502.015	(74.757.626)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	416.006.694	510.611.231	(94.604.537)	(72.749.271)
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-	-	(141.070.733)
Chi phí lãi vay vốn hóa trên khóa cạnh hợp nhất	-	-	-	(120.036.134)
	416.006.694	510.611.231	(94.604.537)	(333.856.138)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(100.106.552)	(259.098.512)

Ngàn VND

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Bờ Y	Công ty liên quan
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Đoàn Tiến Quyết	Cha
Nguyễn Thị Thơm	Mẹ
Hoàng Trọng Biên	Cha vợ
Lê Thị Ngọc Ẩn	Mẹ vợ
Hoàng Thị Ngọc Bích	Vợ
Đoàn Hoàng Anh	Con
Đoàn Hoàng Nam	Con
Đoàn Hoàng Nam Anh	Con
Đoàn Nguyên Lộc	Anh
Nguyễn Thị Lành	Chị dâu
Đoàn Thị Nguyên Dung	Em
Trần Hữu Phước	Em rể
Đoàn Nguyên Ngôn	Em
Đào Thị Phương Mai	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Vinh	Em
Lê Văn Kế	Em rể
Đoàn Nguyên Thịnh	Em
Lê Thị Diễm	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Xuân	Em
Thân Quang Vinh	Em rể
Đoàn Nguyên Thu	Em
Nguyễn Thị Huỳnh Lê	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Thảo	Em ruột
Nguyễn Cao Hoàng	Em rể
Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Em
Nguyễn Minh Trung	Em rể
Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Võ Ngọc Dự	Cha
Trần Thị Thắm	Mẹ
Lâm Hoàng Nam	Cha vợ
Đoàn Thị Điệp	Mẹ Vợ
Lâm Hoàng Yến	Vợ
Võ Hoàng Long	Con
Võ Hoàng Yến Nhi	Con
Võ Thanh Lộc	Em
Lê Thanh Thúy	Em dâu
Võ Thị Kim Phượng	Em
Phạm Văn Kẽm	Em rể
Võ Thị Thắm Thúy Hằng	Em
Nguyễn Văn Hạnh	Em rể
Võ Thị Bé Sáu	Em
Lê Nguyễn Ngọc Sơn	Em rể
Võ Thanh Tùng	Em
Lê Thị Ngọc Hòa	Em dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT
Võ Văn Giai	Cha
Phạm Thị Tỏ	Mẹ
Ngô Bình Long	Chồng
Ngô Quý Hà Giang	Con
Ngô Hoàng Khánh Dương	Con
Võ Thị Kiều Phương	Chị ruột
Bùi Văn Ba	Anh rể
Võ Thị Huyền Linh	Chị ruột
Võ Thị Huyền Châu	Em ruột
Võ Thị Huyền Trân	Em ruột
Đình Văn Truyền	Em rể
Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức	Tổ chức liên quan
Công ty Cổ phần thực phẩm Nông sản xuất khẩu Sài Gòn	Tổ chức liên quan
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Võ Văn Dũng	Cha
Huỳnh Thị Hồng	Mẹ
Lê Đình Quốc	Cha chồng
Lê Thị Thu	Mẹ chồng
Lê Đại Quang	Chồng
Lê Đại Minh Long	Con
Lê Đại Hoàng Long	Con
Võ Đình Phúc	Em
Phùng Thị Nguyên Trang	Em dâu
Võ Thị Kim Thủy	Em
Lê Hoài Lâm	Em rể
Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT (đến ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Nguyễn Nhẫn	Cha
Nguyễn Thị Hạt	Mẹ
Nguyễn Thị Hạ	Chị
Lê Hải Sâm	Anh rể
Nguyễn Thị Thùy	Chị
Lâm Vinh	Anh rể
Nguyễn Thị Uyên	Chị
Nguyễn Uy	Anh

Bên liên quan	Mối quan hệ
Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT (từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Nguyễn Thị Lâm	Vợ
Trần Nguyễn Ngọc Minh	Con
Trần Nguyễn Bảo Châu	Con
Trần Gia Vinh	Con
Nguyễn Khắc Sơn	Bố vợ
Đinh Thị Thuật	Mẹ vợ
Nguyễn Việt Anh	Em vợ
Nguyễn Vũ Hải Yến	Em dâu
Trần Thị Gái	Em gái
Phan Tấn Hoàng	Em rể
Trần Văn Ân	Anh trai
Trương Thị Tuyết	Chị dâu
Trần Văn Nghị	Anh trai
Lê Thị Lợi	Chị dâu
Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Hồ Đắc Tám	Cha
Phạm Thị Hải	Mẹ
Võ Hồ Lâm	Cha chồng
Võ Thị Thu Sương	Mẹ chồng
Võ Hồng Nhân	Chồng
Võ Vĩnh Khang	Con
Võ Hồ Khánh Linh	Con
Hồ Đắc Quang	Anh
Nguyễn Thị Yến	Chị dâu
Hồ Thị Liễu	Chị
Võ Văn Hội	Anh rể
Hồ Thị Phước	Chị
Phạm Bảo Quốc	Anh rể
Hồ Thị Tâm Hiền	Chị
Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Đỗ Văn Diệp	Cha
Trần Thị Kim Dân	Mẹ
Đinh Đức	Cha chồng
Đào Thị Yên	Mẹ chồng
Đinh Công Tịnh	Chồng
Đinh Đăng Khoa	Con
Đinh Đăng Khôi	Con
Đỗ Trần Thùy Linh	Em
Nguyễn Văn Sơn	Em rể
Đỗ Trần Thùy Diễm	Em
Nguyễn Hương Giang	Em rể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Lê Hồng Phong	Thành viên BKS
Lê Hồng Thủy	Cha
Đỗ Thị Tuyết Nhung	Mẹ
Bùi Duy Tâm	Cha vợ
Hoàng Thị Na	Mẹ vợ
Bùi Thị Ngọc Anh	Vợ
Lê Hồng Ngọc	Con
Lê Phúc Bình	Con
Lê Hồng Anh	Anh
Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Phạm Văn Nét	Cha
Nguyễn Thị Cánh	Mẹ
Nguyễn Duy Phương	Cha vợ
Nguyễn Thị Nở	Mẹ vợ
Nguyễn Thị Thu Lan	Vợ
Phạm Nhật Duy	Con
Phạm Phúc Duy	Con
Phạm Văn Hùng	Anh
Bùi Thị Băng Trinh	Chị dâu
Phạm Thị Như Hoa	Chị
Biện Văn Tuấn	Anh rể
Phạm Phương Thảo	Em
Đặng Thị Phi Yên	Em dâu
Phạm Phương Nam	Em
Nguyễn Thị Duyên	Em dâu
Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Lê Văn Chương	Cha
Trương Thị Nga	Mẹ
Nguyễn Văn Chánh	Cha chồng
Nguyễn Thị Hiếu	Mẹ chồng
Nguyễn Văn Trung	Chồng
Nguyễn Lê Cẩm Hạ	Con
Lê Trương Xuân Vy	Em
Trần Anh Đức	Em rể

Bên liên quan	Mối quan hệ
Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Đoàn Văn Toán	Cha
Trần Thị Thanh Mai	Mẹ
Nguyễn Thành Kham	Cha chồng
Nguyễn Thị Hạnh	Mẹ chồng
Nguyễn Thành Long	Chồng
Nguyễn Bảo Ngọc	Con
Đoàn Quang Phú	Em
Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Hồ Vĩnh Thành	Cha
Trần Thị Hồng	Mẹ
Chu Thế Sử	Cha chồng
Lê Thị Hạnh	Mẹ chồng
Chu Thế Hiển	Chồng
Chu Ngọc Diễm Quỳnh	Con
Chu Minh Tuấn	Con
Hồ Thị Thảo Trang	Chị
Hồ Thị Thảo Ly	Chị
Hồ Thị Thảo Châu	Chị
Hồ Dũng Phong	Em
Hồ Hoàng Vĩnh	Anh
Trần Thị Huệ Oanh	Chị Dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Mua hàng hóa và dịch vụ	98.643.537	220.463.403
		Cho vay	20.300.000	1.088.916.833
		Lãi cho vay	11.106.272	59.553.378
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.616.449	390.763.153
		Lãi vay	6.577.262	-
		Chi hộ	3.822.075	8.723.833
		Mượn	-	131.000.000
		Mua tài sản	-	19.636.229
		Cho vay	427.365.650	394.394.765
		Lãi cho vay	68.971.137	37.608.961
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	66.039.317	111.187.299
		Lãi vay	30.416.667	-
		Cho mượn	-	419.161.086
		Thu hồi khoản cho mượn	-	415.574.777
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	184.542.253
		Mượn	-	6.954.000
		Chi hộ	-	699.545
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	226.480.000	-
		Cho vay	205.260.790	401.260.000
		Lãi cho vay	8.257.287	4.180.123
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Nhận chuyển nhượng cổ phần	2.145.600.000	-
		Cho vay	714.582.000	161.506.120
		Lãi cho vay	249.520.992	319.931.365
		Cho mượn	-	25.405.650
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	1.874.921	7.486.903
		Chi hộ	66.571	76.669
		Cho vay	-	104.042.000
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.755.556
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	269.386	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	49.814	4.440.857
		Mua tài sản	-	55.821.045
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đồng Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.315.913.387	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.190.531.197	53.174.326
		Cho vay	533.039.308	26.000
		Lãi cho vay	4.115.880	-
		Mua tài sản cố định	4.415.600	-
		Chi hộ	468.336	-

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	29.264.773	45.412.183	
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.723.570	5.052.893	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	6.812.291	14.273.336	
		Cho vay	2.000.000	25.910.692	
		Lãi vay	718.524	1.448.958	
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	98.919	78.193	
		Mua hàng hóa và dịch vụ	75.369	1.411.822	
		Chi hộ	-	4.964.875	
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	18.758.500	15.803.280	
		Cho vay	15.000.000	-	
		Mượn tiền	14.136.164	-	
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	22.028.472	20.678.860	
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.059.641	
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Cho vay	15.000.000	-	
		Lãi cho vay	12.311.300	3.062.520	
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	11.920.000	-	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.846.282	77.854	
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.288.952	
		Mua tài sản	-	597.096	
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	2.935.667	2.633.880	
		Cho mượn	915.000	478.330	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	68.368	1.287.142	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	607.084	646.600
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	Mượn tiền	212.699.762	-
		Cho vay	43.000.000	-
		Cho mượn	24.500.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	2.764.667	495.300
		Lãi cho vay	1.036.783	-
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Dược Thú Y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	39.502.824	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	-	159.863

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	477.906.173	53.347.003
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.265.606	2.265.606
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	291.599	5.115.070
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	521.053	449.761
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	35.866.935
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	4.420.359
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	3.764.302
		Bán tài sản cố định	-	1.748.337
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	5.501.714
			480.984.431	140.075.031

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)					
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	482.478.677	-	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	130.642.069	1.652.520	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	7.368.500	10.673.489	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	247.218	
			620.489.246	12.573.227	

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)					
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80 - 8,00	2.753.404.202	4.120.545.983	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	501.373.770	1.351.784.995	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	7,525 - 10,00	604.350.086	22.179.629	
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	8,60 - 10,00	85.260.790	251.431.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	5.865.308	26.000	
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	9,00	500.000	-	
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	56.156	30.000.000	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	6,15	-	500.000.000	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	10,00	-	102.165.041	
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	-	-	15.000.000	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60 - 12,00	-	4.209.929	
			3.950.810.312	6.397.342.577	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	883.510.127	636.677.272
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	260.400.000	665.818.080
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	8,00 - 8,60	133.800.000	253.800.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80 - 10,00	149.144.000	213.020.219
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	4,80 - 8,60	141.900.000	126.900.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	109.304.691	105.918.838
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	4,80 - 8,60	22.300.000	42.300.000
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	16.254.632	15.751.124
Công ty Cổ Phần Gia Súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	7,575	-	178.816.833
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	-	124.747.486
			1.716.613.450	2.363.749.852

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 9 tháng 4 năm 2022, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	649.991.651	404.394.310
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	68.960.638	72.491
		Cho mượn	1.300.000	1.300.000
		Khác	22.000	22.000
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đồng	Lãi cho vay	7.227.496	4.427.049
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.115.880	-
		Cho mượn	800.535	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	23.856.246
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	-	10.812
		Cho mượn	-	7.486.903
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	-	26.200.685
		Cho mượn	-	10.699.989
		Khác	-	1.520.465
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	454.400	614.990
			732.872.600	480.605.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD	440.000.000	440.000.000
		Lãi cho vay	27.303.606	23.379.954
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	39.398.260	19.829.760
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	38.862.320	50.880.235
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.342.357	10.021.989
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Lãi cho vay	15.698.411	15.805.440
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Lãi cho vay	6.257.627	3.321.960
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.588.193	1.538.997
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	43.144.374
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	-	31.534.787
			579.450.774	639.457.496

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	20.123.754	23.380.474
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	8.912.300	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.509.227	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.856.363	1.883.340
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.699.175	9.257.375
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	911.173	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	66.675.236
		Mua tài sản cố định	-	33.473.380
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.081.090
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.497.279
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	73.306	482.444
			47.085.298	138.730.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	216.352.500	11.295.473
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	8.228.718	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lở Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Ứng tiền mua hàng hóa	-	302.565.957
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	450	-
			224.581.668	313.861.430
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	10.415.275	10.415.275
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	39.720	682.739
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Khác	468.697	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Công ty Cổ phần Gia súc Lở Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi phạt	-	6.739.726
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	4.932	4.500
			11.201.324	18.114.940
Phải trả dài hạn khác (TM số 22)				
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	Mượn tiền	207.699.762	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.574.084	2.662.428
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.129.349	2.214.202
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.547.330	1.519.645
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.271.810	1.286.280
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS	766.299	715.560
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	256.500	243.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS	277.780	343.077
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS	163.800	97.200
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	108.000	-
Các cá nhân khác		1.535.698	1.252.708
TỔNG CỘNG		10.630.650	10.334.100

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	175.500	162.000
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	93.600	83.700
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	58.500	54.000
TỔNG CỘNG		327.600	299.700

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam và Lào để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.190.459	3.396.264
Từ 1 đến 5 năm	28.248.534	13.121.612
Trên 5 năm	97.558.182	100.473.334
TỔNG CỘNG	129.997.175	116.991.210

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (150 ha chanh dây, 229,25 ha bơ, 74,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	4.065.442.997	6.534.440.081
- Đô la Mỹ (USD)	322.796	602.669
- Đồng Euro (EUR)	179	190
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Ngàn VND
					Tổng cộng
<i>Doanh thu</i>					
Từ khách hàng bên ngoài		533.468.038	1.563.950.328	-	2.097.418.366
Giữa các bộ phận		964.289.519	648.791.960	(1.613.081.479)	-
Tổng cộng		1.497.757.557	2.212.742.288	(1.613.081.479)	2.097.418.366
Kết quả của bộ phận		28.242.811	478.727.416	-	506.970.227
Chi phí không phân bổ					(276.542.674)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính					230.427.553
Thu nhập tài chính					735.078.612
Chi phí tài chính					(1.090.293.038)
Lỗ từ công ty liên kết					(5.819.760)
Lỗ trước thuế					(130.606.633)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(885.768)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					259.098.512
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm					127.606.111
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận		1.379.555.497	16.981.831.457	-	18.361.386.954
Tiền					78.298.037
Đầu tư vào công ty liên kết					
Tổng tài sản					18.439.684.991
Nợ phải trả của bộ phận		(169.209.645)	(13.086.630.775)	-	(13.255.840.420)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	(510.611.231)		(510.611.231)
Tổng nợ phải trả					(13.766.451.651)

		Ngàn VND			
		Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
<i>Doanh thu</i>					
	Từ khách hàng bên ngoài	1.217.320.256	3.893.461.631	-	5.110.781.887
	Giữa các bộ phận	1.390.034.688	421.281.581	(1.811.316.269)	-
	Tổng cộng	2.607.354.944	4.314.743.212	(1.811.316.269)	5.110.781.887
	Kết quả của bộ phận	100.897.651	1.072.503.367	-	1.173.401.018
	Chi phí không phân bổ				1.017.820.343
	Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				2.191.221.361
	Thu nhập tài chính				486.143.713
	Chi phí tài chính				(1.649.147.246)
	Lỗ trước thuế				1.028.217.828
	Chi phí thuế TNDN hiện hành				(3.649.540)
	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				100.106.552
	Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				1.124.674.840
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Tài sản và nợ phải trả				
	Tài sản của bộ phận	8.971.635.994	10.754.379.034	-	19.726.015.028
	Tiền				72.372.525
	Tổng tài sản				19.798.387.553
	Nợ phải trả của bộ phận	(7.462.073.561)	(6.725.563.957)	-	(14.187.637.518)
	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(416.006.694)	-	(416.006.694)
	Tổng nợ phải trả				(14.603.644.212)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngàn VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					Tổng cộng
Doanh thu					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.130.544.964	620.339.519	-	346.533.883	2.097.418.366
Chi phí hình thành tài sản cố định	690.730.524	245.779.318	-	-	936.509.842
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	14.380.934.619	3.980.452.335	-	-	18.361.386.954
Tiền					78.298.037
Đầu tư vào công ty liên kết					
Tổng tài sản					18.439.684.991
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Doanh thu					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.584.289.426	677.685.411	-	848.807.050	5.110.781.887
Chi phí hình thành tài sản cố định	287.481.478	314.348.786	-	-	601.830.264
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	16.673.301.935	3.052.713.093	-	-	19.726.015.028
Tiền					72.372.525
Tổng tài sản					19.798.387.553

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 02021/NQĐHĐCĐ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023 của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai (“BAPI”), công ty con của Công ty, các cổ đông của BAPI đã phê duyệt việc chào bán riêng lẻ 5.000.000 cổ phiếu với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu để tăng vốn cổ phần nhằm mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 01/23/NQHĐQT-HAGL ngày 19 tháng 1 năm 2023, Công ty đã phê duyệt việc đăng ký mua 650.000 cổ phần trong tổng số 5.000.000 cổ phần được phát hành. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BAPI giảm từ 55% xuống 34%.

Ngoài sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



HAGL Group

- 📍 | 15 Trường Chinh, P. Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- ☎ | (84-269) 222 58 88
- 📠 | (84-269) 222 23 35
- ✉ | info@hagl.com.vn
- 🌐 | www.hagl.com.vn